

TỪ BỬU SƠN KỶ HƯƠNG ĐẾN TỨ ÂN HIẾU NGHĨA & PHẬT GIÁO HOÀ HẢO (III)

Người Long Hồ

XVI HỆ PHÁI TỨ ÂN HIẾU NGHĨA

Kỳ thật hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa chính là hậu thân, là sự phục hưng của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vì cả hai đều là một hình thức của Đạo Phật đem vào áp dụng cho dân chúng trên vùng Đất Phương Nam, theo khuôn khổ và tinh thần Việt Nam. Cả hai vị giáo chủ của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa (1) đều là những bậc phi phạm giảng thê chỉ với một mục đích duy nhất là phá mê khai ngộ cho dân chúng trong vùng đất mới với quá nhiều khó khăn trắc trở đang rập rình.

Như trên đã nói, Đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi sinh năm 1831, đến năm 1870, ông chính thức phát phái, nghĩa là phát thẻ tín đồ cho những người quy y theo đạo. Trong đó ghi rõ điều luật phải tuân thủ như giữ 5 giới, trường trai, vân vân. Hai năm sau, ngày 15 tháng giêng, năm 1872, đức Bồn Sư cho họp tất cả ghe thuyền của tín đồ lại, rồi ngược dòng Cửu Long đi đến xã An Lộc, tổng An Lương thuộc tỉnh An Giang. Sau khi đã ổn định và truyền bá giáo pháp cho tất cả tín đồ của mình trên những vùng đất mới này, Bồn Sư Ngô Tự Lợi bắt đầu đi ta bà khắp xứ để tiếp tục hoằng hóa (2). Tháng giêng năm Bính Tý, 1875, đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi truyền lệnh cho một vị cao đồ tên Trần Tịnh đi trước vào Núi Tượng trong vùng Thất Sơn, sắp đặt trước những nơi mà ngài đã chỉ định. Sau đó, đức Bồn Sư bắt đầu hướng dẫn tín đồ của mình lên vùng Thất Sơn để khai khẩn hoang địa lấy đất trồng trọt. Lúc này ngài mới vừa tròn 45 tuổi và đang truyền đạo tại Cù Lao Ba, xã Vĩnh Thành, quận An Phú, tỉnh Châu Đốc.

Tương cũng nên nhắc lại, lúc này giặc Pháp đã chiếm trọn Nam Kỳ, dân tình đang sống trong điêu linh khổ sở, nên ông cũng muốn về đây lập căn cứ chờ ngày có đầy đủ thực lực sẽ khởi nghĩa chống Pháp. Chỉ trong vòng chưa đầy một năm, ông và các tín đồ của mình đã dựng lên nhiều thôn xóm khang trang như thôn An Định trên Núi Tượng vào năm 1876,

thôn An Hòa trên Núi Dài vào năm 1882, những thôn An Thành và An Lập vào năm 1883. Các thôn đều nằm kề nhau và để có chỗ dựa tinh thần, ông còn cho xây dựng đình, chùa và miếu để có nơi dẫn dắt cho đồ chúng tu hành. Đến tháng 11 năm 1877, đức Bổn Sư Ngô Tự Lợi cho xây dựng đình An Định phía trước thờ trăm quan cự thần, và chùa Phi Lai (3) phía sau, thờ bức trần điều nơi chánh điện. Sau đó đức Bổn Sư bắt đầu cho phát triển thôn An Định (4). Ngày 28 tháng 4 năm Kỷ Mão, 1879, đức Bổn Sư truyền thọ phép Tâm niệm Bồ Đề cho tất cả tín đồ. Bất kể nam hay nữ đều trì niệm bình đẳng như nhau. Đây gọi là pháp Công Cứ.

Theo Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, tất cả bà con trong đạo đều là những người tu tại gia, để tóc để râu. Ngoài ra, cũng giống như Bửu Sơn Kỳ Hương, đạo sư Ngô Tự Lợi còn chủ trương đem Đạo Phật vào đời, truyền bá sâu rộng trong quần chúng, bài trừ mê tín dị đoan và giản dị hóa tất cả những nghi thức rườm rà trong việc hành lễ và hành đạo. Ông chủ trương không xây dựng chùa miếu, mà lại thiết lập nhiều trại ruộng quy tụ dân chúng khai hoang lập ấp. Theo đó, người nông dân có thể vừa làm ruộng mà cũng có thể vừa tu hành an lạc. Sở dĩ đức Bổn Sư đặt tên cho hệ phái là Tứ Ân Hiếu Nghĩa, vì cốt lõi trong việc người tu theo đạo của ngài là phải đền trả Tứ Ân. Trong đó có Ân quốc vương thủy thổ và Ân đồng loại. Muốn đền trả Ân quốc vương thủy thổ và Ân đồng loại, thì không thể xuất thế gian để chỉ tự tu lấy bản thân, mà phải nhập thế gian để lo cho đại gia đình Quốc gia Dân tộc, nhất là trong lúc quốc gia dân tộc đang hồi nghiêng ngửa. Đức Bổn Sư luôn nhấn mạnh đến chữ “Trung”. Trong một đoạn sám giảng của ngài sau đây, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về chữ “Trung” mà ngài thường dạy:

“Một Trung thờ Phật kính Thầy
Hai Trung thờ chúa mình gầy chó than
Ba Trung Phụ Mẫu lưỡng toàn (5)
Ấy là ba chữ rõ ràng chẳng sai.”

Trong Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, mọi người đều đoàn kết yêu thương nhau trong tinh thần tương thân tương ái. Chúng ta có thể thấy rõ những điều này qua lời dạy dưới đây của ngài:

“Xin đừng ý phú hiệp bần
Ý mình sang trọng hiệp phần cô đơn
Nhơn sanh Thiên số bố dân
Sang giàu thì trọng cơ bần thì khinh.”

Với Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, mọi tín đồ kể cả ngài đều phải lao động tự lực cánh sinh, khai mở đất đai trồng trọt mà nuôi thân, lấy cát đá trên núi xuống làm nền, và đốn cây làm kèo cột cất nhà. Mọi người đều

chung lưng đấu cật với nhau trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong tu tập. Đừng ý lại vào người khác, mình phải tự lo lấy mình. Nhất là không thấy của mà tối mắt, tham sang tham giàu do tiền của ngoại nhân ban cho.

Ghi Chú:

(1) Đức Phật Thầy Tây An là giáo chủ khai sáng Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương; trong khi đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi là vị giáo chủ khai sáng Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Theo quyển Hệ Phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tủ Sách Suu Khảo Sử Liệu, Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, 1967, trang 41, người tu theo Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương hoặc tôn kính 4 chữ BSKH thấy đều nhìn nhận rằng: Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa và hệ phái Đức Phật Trùm ở núi Tà Lon (Tri Tôn) đều có từ một gốc Phật giáo BSKH của đức Phật Thầy Tây An mà ra. Tuy nhiên, chưa ai biết rõ sự liên hệ giữa đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi và Đức Phật Thầy Tây An như thế nào? Hai vị Hoạt Phật này là một? Hay Đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi được truyền thọ bí pháp từ Đức Phật Thầy Tây An? Hay đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi là hóa thân của Đức Phật Thầy Tây An? Tại sao các tu sĩ lại cho rằng hai phái này có cùng một gốc? Tưởng cũng nên để ý, có một vài điểm dị biệt: Thứ nhất Đức Phật Thầy Tây An không chuộng thính, âm, sắc, tướng; trong khi đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi lại dạy tụng kinh, cúng dường, đánh chuông, gõ mõ, thờ phượng hình Quan Đế, dùng giấy tiền, vàng bạc, lằn chuỗi, niệm pháp, phân biệt Cư Sĩ, Ông Gánh, Ông Trò, vân vân. Thứ nhì Đức Phật Thầy Tây An chỉ niệm Di Đà, giản dị kinh chú, giản dị nghi thức hành lễ; trong khi Đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi dạy niệm nhiều kinh chú, học văn tự, lễ bái đa thần, người tín đồ để tóc dài... Tuy nhiên, hai hệ phái này cũng có nhiều điểm tương đồng: Thứ nhất là cả hai đều phát phái thân nhận tín đồ vào đạo bằng ấn son có 4 chữ Bửu Sơn Kỳ Hương in trên giấy vàng. Thứ nhì, căn bản truyền đạo vẫn là Học Phật Tu Nhơn vào báo đáp Tứ Đại Trọng Ân. Thứ ba, chánh điện ngôi chùa chánh là chùa Phi Lai vẫn có thờ bức trần điều giống như bên hệ phái BSKH. Thứ tư, thuyết giáo bằng thơ, lời lẽ bình dân giản dị với lối văn vần, thường là thể thơ lục bát, rất thích hợp với dân tộc tính, ai ai cũng có thể hiểu được.. Thứ năm, thu phục những người chưa vào đạo bằng công quả xã hội như trị bệnh cứu người rất linh diệu, và nói lên những sai lầm của đương sự. Thứ sáu, thuyết phục những người ngang bướng bất phục tùng lễ pháp, bằng cách tiên tri những việc đã qua và hậu quả mà họ đã gây ra, khiến họ phải phục tùng, quy-y hướng thiện. Thứ bảy, không hề vương bận lợi danh, hoặc thu nhận sự đền ơn trả nghĩa bằng tiền bạc. Thứ tám, Đức Phật Thầy Tây An đản sinh vào giờ ngọ ngày rằm tháng 10 năm

Đình Mão, 1807; trong khi đó Đức Bồn Sư Ngô Lợi mê man 7 ngày đêm, còn gọi là đi thiếp, cũng vào giờ ngọ ngày rằm tháng 10 năm Đinh Mão, 1867. Khi tỉnh dậy thì ngài tỏ ngộ, dạy đạo cho tín đồ. Có điều khác nhau là chu kỳ này cách nhau 60 năm. Căn cứ vào những điểm tương đồng này mà các tín đồ tin rằng hai vị Hoạt Phật này có sự liên hệ với nhau rất nhiều.

(2) Trong thời gian đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi đi ta bà khắp xứ để hoằng hóa rất trùng hợp với thời gian Ông Sư Vãi Bán Khoai đi khuyên đời tu niệm. Đây không biết có phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên hay chính Ông Sư Vãi Bán Khoai là đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi? Lại có sự trùng hợp khác nữa là Sám Giảng cũng trùng hợp như đầu bài Sám Người Đời của Sư Vãi sau đây:

“Hạ ngươn giáp tý đầu năm,
 Gắm trong thiên hạ không an chỗ nào!
 Lại thêm lục tinh tân trào.
 Nhon điền số bộ biết bao nhiêu người,
 Thấy vui mà chẳng dám cười;
 Bơ vơ tôi, chúa gắm đời không cha,
 Có người ở Cù Lao Ba.
 Phật sai xuống thế mới ra cứu đời...”

(3) Chùa Phi Lai và Đình An Định được trùng tu lần thứ hai vào ngày 19 tháng 1 năm Giáp Thân, 1884 để có đủ chỗ cho thập phương bôn đạo đến lễ bái.

(4) Đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi quy tụ tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa thiết lập một làng mới gọi là thôn An Định, cho đến năm Tân Ty, 1881, chính quyền thực dân tại địa phương mới hợp thức hóa cho thôn này, người xã trưởng đầu tiên tên Lân.

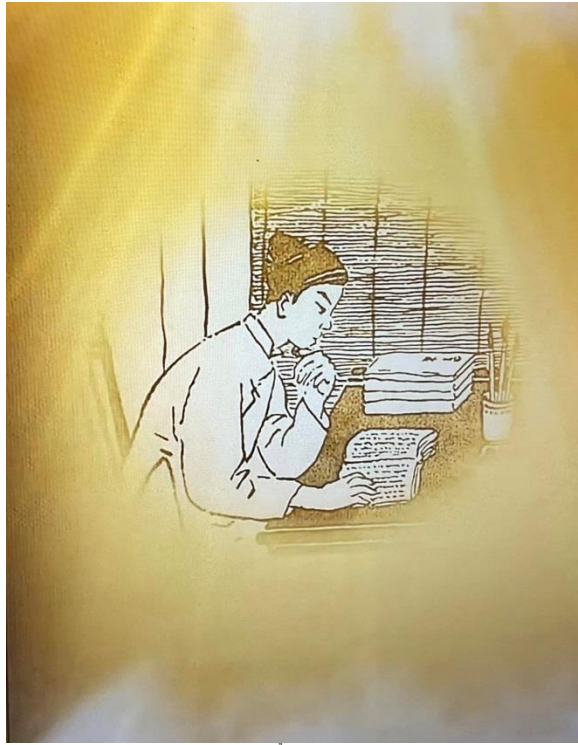
(5) Theo Nho giáo, tam cương gồm: Quân Sư Phụ. Trong ba ngôi này thì vua đứng đầu. Trong thời đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi khai mở Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tại vùng Châu Đốc thì cũng là lúc người Pháp đang dần chiếm nước ta, lúc đó vua Hàm Nghi đã cho phát động phong trào Cần Vương, nhằm chủ trương đánh đuổi giặc Pháp để thu phục lại đất nước cho Vua.



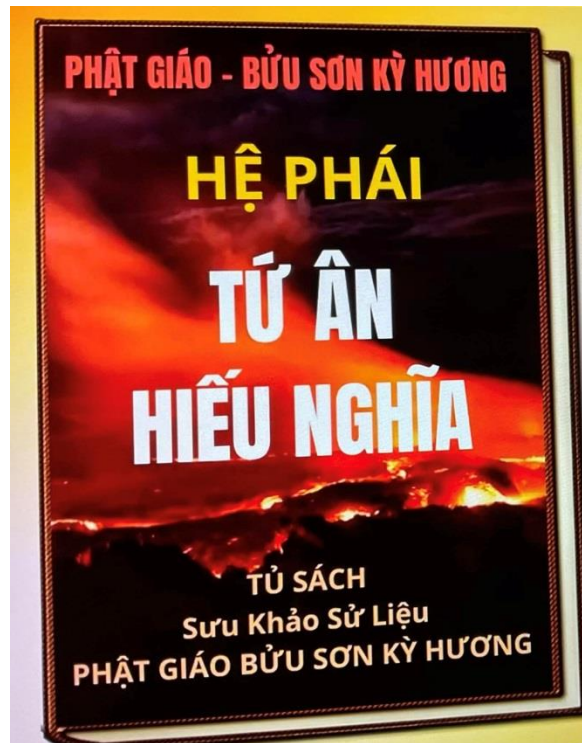
Hình 1: Tranh vẽ cảnh quê hương của đức Bôn Sư Ngô Tự Lợi. Tương cũng nên nhắc lại, đức Bôn Sư Ngô Tự Lợi là người ở huyện Mộ Cày, thuộc tỉnh Bến Tre, cha của ông tên là Ngô Nhân (? - 1837), làm nghề thợ mộc; mẹ của ông tên là Phạm Thị Xuyên, là người làng Bình An, tỉnh Định Tường (nay thuộc tỉnh Tiền Giang), ảnh internet (Google).



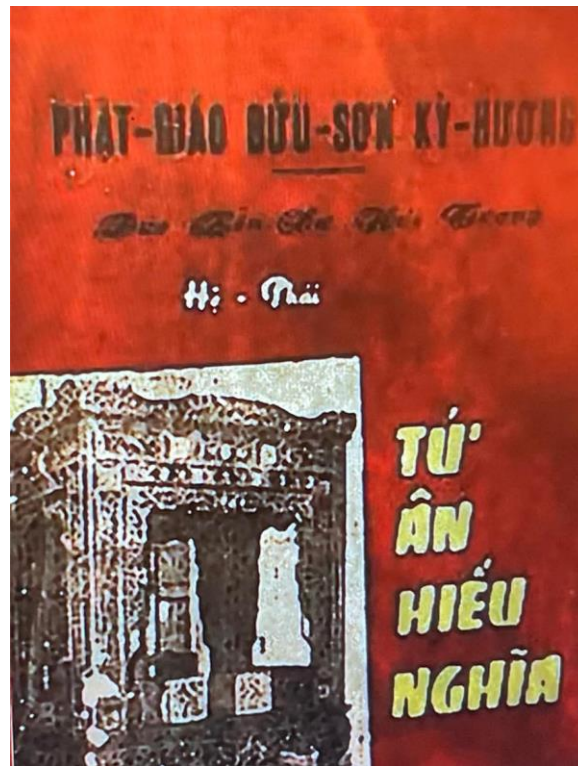
Hình 2: Tranh vẽ cảnh quê hương của đức Bôn Sư Ngô Tự Lợi. Tương cũng nên nhắc lại, đức Bôn Sư Ngô Tự Lợi là người ở huyện Mộ Cày, thuộc tỉnh Bến Tre, cha của ông tên là Ngô Nhân (? - 1837), làm nghề thợ mộc; mẹ của ông tên là Phạm Thị Xuyên, là người làng Bình An, tỉnh Định Tường (nay thuộc tỉnh Tiền Giang), ảnh internet (Google).



Hình 3: Tranh vẽ cảnh đức Bốn Sư Ngô Tự Lợi đang biên soạn giáo pháp căn bản cho Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh internet (Google).



Hình 4: Hình bìa của quyển Tứ Ân Hiếu Nghĩa, hình chụp từ thư viện của tủ sách Tam Bửu Tự năm 2015.



Hình 5: Hình bìa của quyển Tứ Ân Hiếu Nghĩa, hình chụp từ thư viện của tác giả Người Long Hồ.



Hình 6: Tranh vẽ một tín đồ của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đang tu tập, ảnh internet (Google).



Hình 7: Bàn thờ trong Tam Bửu Tự được trang trí trong những ngày lễ của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh tư liệu của Hệ Phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa Ba Chúc, ảnh 2015.



Hình 8: Bàn thờ trong Tam Bửu Tự được trang trí trong những ngày lễ của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh tư liệu của Hệ Phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa Ba Chúc, ảnh 2015.



Hình 9: Bàn thờ trong Tam Bửu Tự được trang trí trong những ngày lễ của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh tư liệu của Hệ Phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa Ba Chúc, ảnh 2015.



Hình 10: Ảnh Long Đình (Bảo vật của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa) trong Tam Bửu Tự, ảnh tư liệu của Hệ Phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa Ba Chúc, ảnh 2015.



Hình 11: Bên trong khuôn viên Phi Lai Tự, Tổ Đình của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh 2015.



Hình 12: Bên trong khuôn viên Phi Lai Tự, Tổ Đình của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh 2015.



Hình 13: Bên trong khuôn viên Phi Lai Tự, Tổ Đình của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh 2015.



Hình 14: Bên trong khuôn viên Phi Lai Tự, Tổ Đình của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh 2015.



Hình 15: Bên trong khuôn viên Phi Lai Tự, Tổ Đình của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh 2015.



Hình 16: Bên trong khuôn viên Phi Lai Tự, Tổ Đình của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh 2015.

XVII

CHÙA TAM BỬU: TỔ ĐÌNH CỦA ĐẠO TỨ ÂN HIẾU NGHĨA, ĐẠO CỦA TRUNG VỚI NƯỚC- HIẾU VỚI CÁC BẬC SINH THÀNH RẤT GẦN GỬI VỚI NGƯỜI MIỀN TÂY

Phải thật tình mà nói, miền Tây Nam Việt là nơi đã sản sinh ra những tôn giáo thật gần gũi và thích hợp với bản chất của người miền Tây. Trong đó, phải nói đạo Bửu Sơn Kỳ Hương-Tứ Ân Hiếu Nghĩa-Phật Giáo Hoà Hảo là đạo của trung với nước, Hiếu với các bậc sinh thành và luôn tử tế với mọi người... Những người mới gia nhập Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa sẽ được một trong những vị cao đồ chỉ dạy về tôn chỉ và nghi thức. Vì ngoài việc Tu Nhơn Học Phật để tu tâm sửa tánh, Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có rất nhiều nghi lễ cúng kiếng và tụng niệm. Tôn chỉ của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là Tu Nhơn Học Phật cho người cư sĩ tại gia, không cấm việc dựng vợ gã chồng, tự do kinh doanh, tự do sinh kế theo nghề nghiệp mà mình thích và có khả năng, miễn không xâm phạm đến tự do của người khác. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không bắt buộc tín đồ phải trường trai khổ hạnh, nhưng hạn chế việc sát sanh, và kiêng cử việc ăn thịt của 12 con giáp (6). Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trì niệm và cúng kiếng theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học vấn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thần gần với Lão Giáo. Ngày đầu nhập đạo, tín đồ đến chùa, ông Trò (7) của một Gánh sẽ hướng dẫn người mới nhập đạo van vái tự nguyện quy-y nhập đạo. Trang phục của tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một áo dài đen bằng vải, để mặc lúc lễ bái ở chùa và dự lễ cúng dường tại nhà thân hữu. Trước khi bước vào chùa phải bỏ dép guốc lại bên ngoài và đi chân không vào. Người tu theo Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là người thực hành đạo Tứ Ân, phải công phu bái sám sáng và tối mỗi ngày, kinh nhật tụng là quyển Linh Sơn Hội Thượng Kinh. Niệm Pháp trong Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là lần chuỗi 108 hạt. Mỗi ngày tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa niệm một Thất Pháp, tức bảy biến, mỗi biến lần 108 hạt với danh hiệu của một vị Phật. Mỗi thời cúng tại chùa, người tu sĩ phải niệm tối thiểu ba Thất Pháp.

Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa phải tuân thủ mười điều: 1) Tuân theo lời thầy dạy; 2) Báo đáp công ơn ông bà đã khuất bằng cách cúng dường; 3) Phải đúng phép đạo nghĩa cha con; 4) Lễ phép đạo nghĩa Chúa tôi; 5) Lễ bái mười phương chư Phật; 6) Lễ bái Tam Bảo: Phật-

Pháp-Tăng; 7) Trả ơn Thầy; 8) Giữ tín nghĩa với bà con lối xóm; 9) Giữ trọn tình nghĩa vợ chồng; 10) Trả ơn ngọn rau tấc đất, còn gọi là ơn Hậu Thổ.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa xem sự tử như sự sanh, nên tín đồ đạo này phải trả ơn tiền nhân bằng cách cúng dường. Hằng năm tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cúng dường cho người đã khuất trong nhiều buổi lễ, để cầu siêu cho các bậc tiền nhân được siêu sinh Tịnh Độ. Dầu giàu hay nghèo, các tín đồ đều phải có vật thực dâng cúng dường tiền nhân. Sau khi cúng lễ Đ oan Ngo, mỗi gia đình phải chọn một ngày để cúng Đ oan Ngũ để cúng dường tiền nhân, thường thì chọn ngay ngày kỵ giỗ của người đã khuất. Trước nhất gia chủ phải sắm mâm quả đến trình tại chùa Tam Bửu, sau đó trình tại nhà ông Trò, sau cùng là đến trình với ông Cư Sĩ để nhờ ông này làm sớ điệp cho gia đình mình trong lễ cúng dường. Đến ngày cúng, mọi người trong trại ruộng sẽ tham gia đông đủ để cùng nhau tụng niệm cầu siêu. Gia chủ phải trở lại những nơi vừa kê trên để thỉnh sớ điệp (chùa Tam Bửu, nhà ông Trò, và nhà ông Cư Sĩ). Ngoài ra, gia chủ và hai bên nội ngoại phải có đầy đủ phẩm vật: Hương, hoa, trà, quả, giấy tiền, giấy ngũ sắc. Về thực vật thì có chi cúng này, không bắt buộc. Đặc biệt, trong mỗi lần lễ cúng dường, người Cư Sĩ có nhiệm vụ phải ghi lại cả những sớ vào một cuốn sổ, trước khi đốt những sớ điệp. Sau đó giao cuốn sổ lại cho gia đình người cúng. Trong lễ cúng dường, tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đọc kinh Hiếu Nghĩa (Thượng, Trung và Hạ), riêng trong lễ Đ oan Ngũ, người Cư Sĩ chỉ đọc quyển Thượng mà thôi.

Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cúng dường Lễ Chánh Đ an từ tháng giêng đến cuối tháng ba. Nội dung và hình thức cũng giống như lễ Đ oan Ngũ, nhưng khi tụng kinh thì tụng Hiếu Nghĩa Kinh, quyển Trung. Lễ Đ o i K y là ngày giỗ cho ông bà cha mẹ, nghi thức cũng giống như lễ Đ oan Ngũ và Chánh Đ an, nhưng khi tụng kinh thì tụng Hiếu Nghĩa Kinh, quyển Hạ. Vì là ngày giỗ nên số người tham gia sẽ đông hơn nhiều so với hai lễ trước. Ngoài những ngày lễ trên, tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn rất nhiều lễ cúng khác như Thượng ngươn, Trung Ngươn và Hạ ngươn... ngày rằm, ngày vía, bốn mùa tám tiết, và Hôn, Quan, Tang, Tế, vãn vãn.

Nói tóm lại, Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa dành cho người tu tại gia lấy sự “Học Phật Tu Nhân” làm phương châm hành đạo. Muốn Học Phật, trước hết phải Tu Nhân đúng theo tinh thần Nho giáo: “Nhơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hỷ”, nghĩa là không tu nhơn đạo, thì con đường Tiên đạo hãy còn xa. Mà thật vậy, làm người không xong thì khó mong tu Tiên cho

thành được. Chính vì vậy mà đức Bốn Sư Ngô Tự Lợi có dạy trong Hiếu Nghĩa kinh, quyền hạ như vậy:

“Thượng thi phụ khí sanh, hạ thử mẫu huyết dưỡng.
 Thiên địa âm dương hội phụ mẫu khí huyết hòa.
 Thị cố sanh ngã đẳng, âm dương đồng thọ hưởng.
 Thiên địa nhơn đồng đạo, phụ mẫu nghĩa tối cao.”

Bốn câu trên có nghĩa là “Thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sinh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dày ấy.” Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nào làm đúng như thế mới đúng là Tu Nhơn, xứng đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật. Về chuyện Học Phật của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, người tín đồ không phải ly gia cát ái, không phải xa rời thế tục. Mà ngược lại, người ấy sống nhập thế, sống trong xã hội với tư cách của người cư sĩ tại gia. Ngoài sinh kế ra, người ấy phải ngày ngày thành tâm niệm “Lục Tự Di Đà”, phải lần chuỗi để định tâm tưởng niệm Phật. Đức Bốn Sư Ngô Tự Lợi có dạy về chuyện tu niệm trong kinh Bàn Đào, dưới đây là một đoạn ngắn:

“Bồ Đề diệu pháp ly chùng chùng,
 Thủ khai ngân tòa diệu trùng trùng.
 Chuyển chuyển luân luân La Hán tướng,
 Thiên Tăng giáng phước tuyệt vô cùng.”

Có nghĩa là:

“Phép niệm Bồ Đề lia các khổ,
 Tay lần tràng hạt dứt dây oan.
 Xoay trở về ngôi La Hán tướng,
 Ôn trên ban phước diệt lòng trần.”

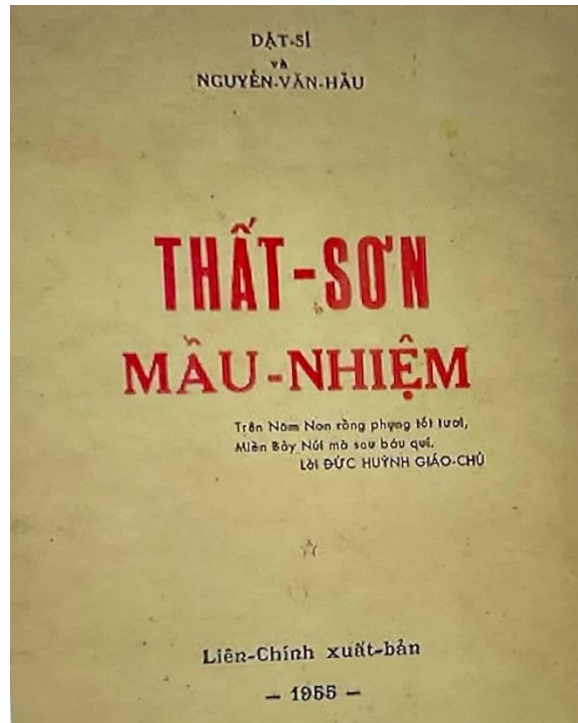
Trong Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, dầu người tín đồ có giỏi, có kém, đức Bốn Sư Ngô Tự Lợi vẫn xem họ bình đẳng như nhau, giá trị chính của mỗi người là ở chỗ tu tập rèn tâm sửa tánh và có tu đúng theo pháp tu của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa hay không mà thôi.

Ghi Chú:

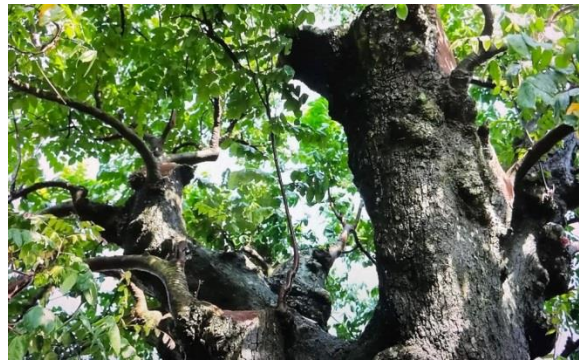
(6) Mười hai con giáp theo truyền thống Việt Nam bao gồm: Chuột, trâu, cọp, mèo, rồng, vì ở Việt Nam không có con rồng, ngay cả rồng đất, comodore như bên xứ Nam Dương, nên có thể là những tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cử ăn thịt rắn là con giáp liền theo con rồng, ngựa, dê, khỉ, gà, chó, và heo.

(7) Từ ngày đức Bốn Sư Ngô Tự Lợi nhập diệt, những người truyền bá giáo pháp thì gọi là ông Trò, còn những người kế tục chăm sóc giảng mỗi đạo và tín đồ thì gọi là ông Gánh. Sau này những ông Trò thế hệ thứ nhì

sau đức Bổn Sư cũng nhập diệt, ông Gánh vừa truyền giáo pháp và vừa chăm sóc giềng mối đạo và tín đồ.



Hình 1: Hình bìa tập sách Thất Sơn Mậu Nhiệm, sách nói rất nhiều về đạo Bửu Sơn Kỳ Hương-Tứ Ân Hiếu Nghĩa-Phật Giáo Hoà Hảo, hình bìa chụp từ thư viện của tác giả Người Long Hồ.



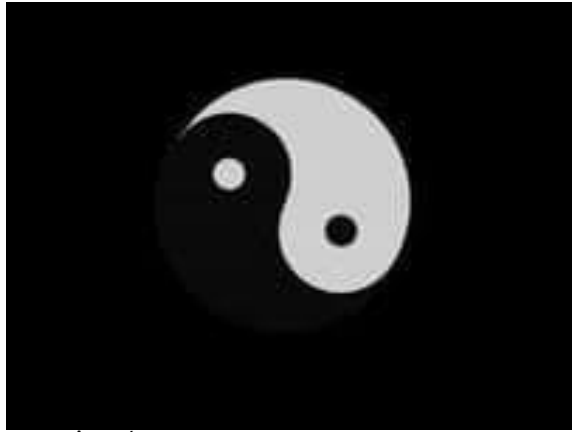
Hình 2: Cây Khê phía sau Tam Bửu Tự, đã trên một thế kỷ rưỡi của Đức Bổn Sư Ngô Lợi (ngài dùng để trị bệnh cho bá tánh thời đó), ảnh 2015.



Hình 3: Tranh vẽ Tam Bửu Tự, hình chụp trong Tam Bửu Tự năm 2015.



Hình 4: Tranh vẽ 12 con giáp (ảnh internet-Google). Mười hai con giáp theo truyền thống Việt Nam bao gồm: Chuột, trâu, cọp, mèo, rồng, vì ở Việt Nam không có con rồng, ngay cả rồng đất (comodore như bên xứ Nam Dương). Tương cũng nên nhắc lại, những tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cứ ăn thịt rắn là con giáp liền theo con rồng, ngựa, dê, khi, gà, chó, và heo. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không bắt buộc tín đồ phải trường trai khổ hạnh, nhưng hạn chế việc sát sanh, và nên kiêng cử việc ăn thịt của 12 con giáp.



Hình 5: Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trì niệm và cúng kiếng theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học vấn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thần gắn với Lão Giáo. Các Đạo gia cho rằng Tinh-Khí-Thần chính là “tam bảo” trong mỗi con người chúng ta, ba yếu tố này cũng chính là thể hiện: Bản Thể, Năng Lượng và Tinh Thần của mỗi người. Bản Thể là Tinh hoa, Năng Lượng là nghị lực và tinh thần là nền tảng của sự sống, là ba yếu tố chính duy trì các hoạt động sống của cơ thể con người. Con người muốn tràn đầy sức sống khí và chi khi nạp đủ năng lượng; cơ thể con người mới lúc đó mới có thể phát triển khỏe mạnh và ít bệnh tật. qua quan sát Tinh-Khí-Thần ở một người mà biết được trạng thái khỏe-yếu của người đó và đề ra cách khắc phục phù hợp. “Tinh” vốn là chất hữu hình điều chỉnh qua thuốc và thức ăn. “Khí” vô hình, điều chỉnh qua hít thở và vận động là chính. “Thần” là tư duy, trí tuệ...điều chỉnh qua công phu tu luyện, kiên thức, nhận thức. Ở một mức độ nhất định, có thể dùng “Tinh” để điều chỉnh “Khí” và “Thần”, hoặc dùng “Khí” để điều chỉnh “Tinh” và “Thần”. Đối với “Thần” cũng vậy. Sức khỏe toàn diện là phải quan tâm đầy đủ đến Tinh-Khí-Thần. Tinh sai, Khí thiếu, Thần hư là trạng thái cơ bản của mọi bệnh tật nơi con người. Ảnh minh họa sự tu tập Tinh-Khí-Thần theo sự giải thích của Lão Giáo.



Hình 6: Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trì niệm và cúng kiếng theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học vấn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thần gắn với Lão Giáo. Các Đạo gia cho rằng Tinh-Khí-Thần chính là “tam bảo” trong mỗi con người chúng ta, ba yếu tố này cũng chính là thể hiện: Bản Thể, Năng Lượng và Tinh Thần của mỗi người. Bản Thể là Tinh hoa, Năng Lượng là nghị lực và tinh thần là nền tảng của sự sống, là ba yếu tố chính duy trì các hoạt động sống của cơ thể con người. Con người muốn tràn đầy sức sống khí và chi khi nạp đủ năng lượng; cơ thể con người mới lúc đó mới có thể phát triển khỏe mạnh và ít bệnh tật. qua quan sát

Tinh-Khí-Thần ở một người mà biết được trạng thái khỏe-yếu của người đó và đề ra cách khắc phục phù hợp. “Tinh” vốn là chất hữu hình điều chỉnh qua thuốc và thức ăn. “Khí” vô hình, điều chỉnh qua hít thở và vận động là chính. “Thần” là tư duy, trí tuệ...điều chỉnh qua công phu tu luyện, kiên thức, nhận thức. Ở một mức độ nhất định, có thể dùng “Tinh” để điều chỉnh “Khí” và “Thần”, hoặc dùng “Khí” để điều chỉnh “Tinh” và “Thần”. Đối với “Thần” cũng vậy. Sức khỏe toàn diện là phải quan tâm đầy đủ đến Tinh-Khí-Thần. Tinh sai, Khí thiếu, Thần hư là trạng thái cơ bản của mọi bệnh tật nơi con người. Ảnh minh họa sự tu tập Tinh-Khí-Thần theo sự giải thích của Lão Giáo.



Hình 7: Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trì niệm và cúng kiến theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học văn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thần gắn với Lão Giáo. Các Đạo gia cho rằng Tinh-Khí-Thần chính là “tam bảo” trong mỗi con người chúng ta, ba yếu tố này cũng chính là thể hiện: Bản Thể, Năng Lượng và Tinh Thần của mỗi người. Bản Thể là Tinh hoa, Năng Lượng là nghị lực và tinh thần là nền tảng của sự sống, là ba yếu tố chính duy trì các hoạt động sống của cơ thể con người. Con người muốn tràn đầy sức sống khi và chỉ khi nạp đủ năng lượng; cơ thể con người mới lúc đó mới có thể phát triển khỏe mạnh và ít bệnh tật. qua quan sát Tinh-Khí-Thần ở một người mà biết được trạng thái khỏe-yếu của người đó và đề ra cách khắc phục phù hợp. “Tinh” vốn là chất hữu hình điều chỉnh qua thuốc và thức ăn. “Khí” vô hình, điều chỉnh qua hít thở và vận động là chính. “Thần” là tư duy, trí tuệ...điều chỉnh qua công phu tu luyện, kiên thức, nhận thức. Ở một mức độ nhất định, có thể dùng “Tinh” để điều chỉnh “Khí” và “Thần”, hoặc dùng “Khí” để điều chỉnh “Tinh” và “Thần”. Đối với “Thần” cũng vậy. Sức khỏe toàn diện là phải quan tâm đầy đủ đến Tinh-Khí-Thần. Tinh sai, Khí thiếu, Thần hư là trạng thái cơ bản của mọi bệnh tật nơi con người. Ảnh minh họa sự tu tập Tinh-Khí-Thần theo sự giải thích của Lão Giáo.



Hình 8: Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trì niệm và cúng kiến theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học vấn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thần gắn với Lão Giáo. Các Đạo gia cho rằng Tinh-Khí-Thần chính là “tam bảo” trong mỗi con người chúng ta, ba yếu tố này cũng chính là thể hiện: Bản Thể, Năng Lượng và Tinh Thần của mỗi người. Bản Thể là Tinh hoa, Năng Lượng là nghị lực và tinh thần là nền tảng của sự sống, là ba yếu tố chính duy trì các hoạt động sống của cơ thể con người. Con người muốn tràn đầy sức sống khi và chỉ khi nạp đủ năng lượng; cơ thể con người mới lúc đó mới có thể phát triển khỏe mạnh và ít bệnh tật. qua quan sát Tinh-Khí-Thần ở một người mà biết được trạng thái khỏe-yếu của người đó và đề ra cách khắc phục phù hợp. “Tinh” vốn là chất hữu hình điều chỉnh qua thuốc và thức ăn. “Khí” vô hình, điều chỉnh qua hít thở và vận động là chính. “Thần” là tư duy, trí tuệ... điều chỉnh qua công phu tu luyện, kiên thức, nhận thức. Ở một mức độ nhất định, có thể dùng “Tinh” để điều chỉnh “Khí” và “Thần”, hoặc dùng “Khí” để điều chỉnh “Tinh” và “Thần”. Đối với “Thần” cũng vậy. Sức khỏe toàn diện là phải quan tâm đầy đủ đến Tinh-Khí-Thần. Tinh sai, Khí thiếu, Thần hư là trạng thái cơ bản của mọi bệnh tật nơi con người. Ảnh minh họa sự tu tập Tinh-Khí-Thần theo sự giải thích của Lão Giáo.



Hình 9: Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trì niệm và cúng kiến theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học vấn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thần gắn với Lão Giáo. Các Đạo gia cho rằng Tinh-Khí-Thần chính là “tam bảo” trong mỗi con người chúng ta, ba yếu tố này cũng chính là thể hiện: Bản Thể, Năng Lượng và Tinh Thần của mỗi người. Bản Thể là Tinh hoa, Năng Lượng là nghị lực và tinh thần là nền tảng của sự sống, là ba yếu tố chính duy trì các hoạt động sống của cơ thể con người. Con người muốn tràn đầy sức sống khi và chỉ khi nạp đủ năng lượng; cơ thể con người mới lúc đó mới có thể phát triển khỏe mạnh và ít bệnh tật. qua quan sát

Tinh-Khí-Thần ở một người mà biết được trạng thái khỏe-yếu của người đó và đề ra cách khắc phục phù hợp. “Tinh” vốn là chất hữu hình điều chỉnh qua thuốc và thức ăn. “Khí” vô hình, điều chỉnh qua hít thở và vận động là chính. “Thần” là tư duy, trí tuệ...điều chỉnh qua công phu tu luyện, kiên thức, nhận thức. Ở một mức độ nhất định, có thể dùng “Tinh” để điều chỉnh “Khí” và “Thần”, hoặc dùng “Khí” để điều chỉnh “Tinh” và “Thần”. Đối với “Thần” cũng vậy. Sức khỏe toàn diện là phải quan tâm đầy đủ đến Tinh-Khí-Thần. Tinh sai, Khí thiếu, Thần hư là trạng thái cơ bản của mọi bệnh tật nơi con người. Ảnh minh họa sự tu tập Tinh-Khí-Thần theo sự giải thích của Lão Giáo.

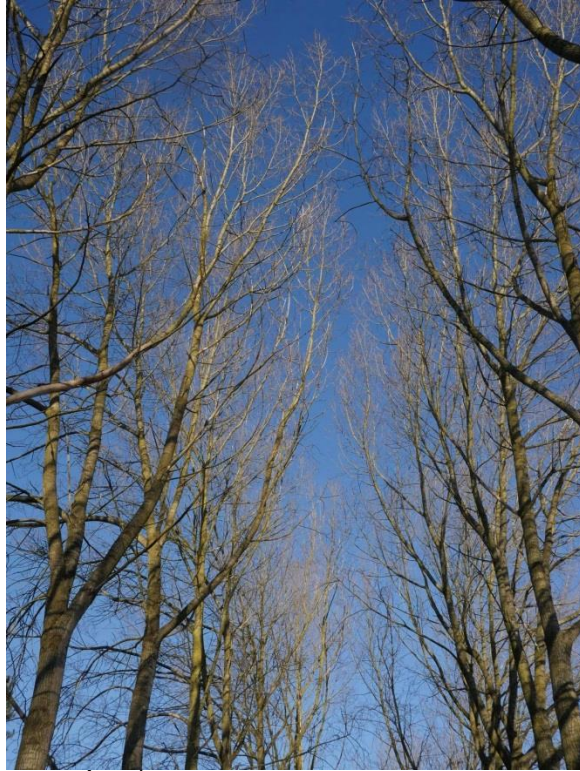


Hình 10: Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trì niệm và cúng kiến theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học vấn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thần gắn với Lão Giáo. Các Đạo gia cho rằng Tinh-Khí-Thần chính là “tam bảo” trong mỗi con người chúng ta, ba yếu tố này cũng chính là thể hiện: Bản Thể, Năng Lượng và Tinh Thần của mỗi người. Bản Thể là Tinh hoa, Năng Lượng là nghị lực và tinh thần là nền tảng của sự sống, là ba yếu tố chính duy trì các hoạt động sống của cơ thể con người. Con người muốn tràn đầy sức sống khi và chỉ khi nạp đủ năng lượng; cơ thể con người mới lúc đó mới có thể phát triển khỏe mạnh và ít bệnh tật. qua quan sát Tinh-Khí-Thần ở một người mà biết được trạng thái khỏe-yếu của người đó và đề ra cách khắc phục phù hợp. “Tinh” vốn là chất hữu hình điều chỉnh qua thuốc và thức ăn. “Khí” vô hình, điều chỉnh qua hít thở và vận động là chính. “Thần” là tư duy, trí tuệ...điều chỉnh qua công phu tu luyện, kiên thức, nhận thức. Ở một mức độ nhất định, có thể dùng “Tinh” để điều chỉnh “Khí” và “Thần”, hoặc dùng “Khí” để điều chỉnh “Tinh” và “Thần”. Đối với “Thần” cũng vậy. Sức khỏe toàn diện là phải quan tâm đầy đủ đến Tinh-Khí-Thần. Tinh sai, Khí thiếu, Thần hư là trạng thái cơ bản của mọi bệnh tật nơi con người. Ảnh minh họa sự tu tập Tinh-Khí-Thần theo sự giải thích của Lão Giáo.

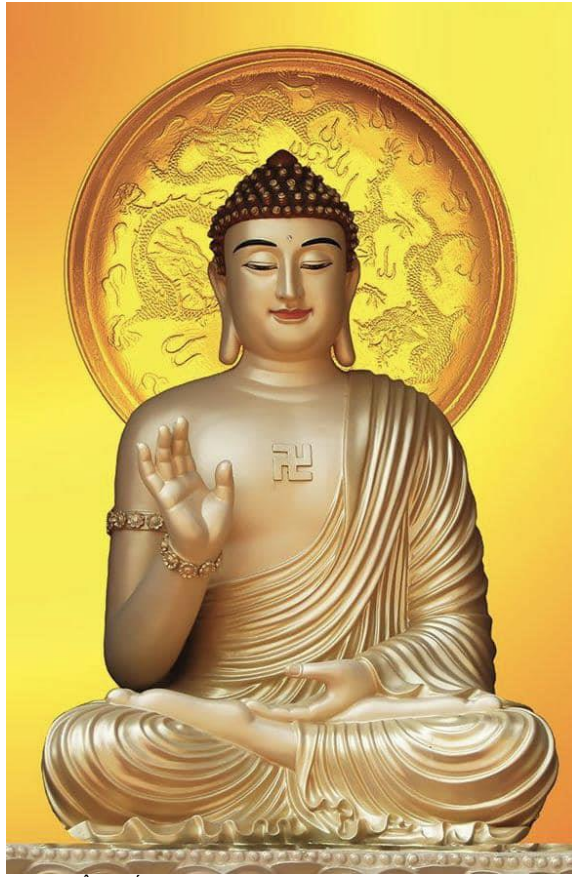


Hình 11: Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba tôn giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trì niệm và cúng kiến theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học vấn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thần gắn với Lão Giáo. Theo Phật giáo, Tinh là cái nguồn tinh vốn có xưa nay. Tinh cũng là Giới là sự thuần nhất không hỗn tạp, đầy đủ các tướng trong sạch thanh tịnh. Đó chính là Pháp thân thanh tịnh. Pháp thân thanh tịnh tức là tự tánh của chúng sanh. Khí là cái nguồn khí vốn có xưa nay. Định là sự vắng lặng an nhiên chẳng động, đầy đủ vô số ý nghĩa nhiệm mầu. Đó chính là Báo thân viên mãn. Báo thân viên mãn tức là trí tuệ của các ông đó. Thần là cái nguồn thần vốn có xưa nay. Thần là Huệ, là sự cảm ứng mà thông suốt, đầy đủ vô số công dụng nhiệm mầu. Đó chính là Hóa thân thiên bách ức. Hóa thân thiên bách ức tức là đức hạnh của hành giả. Tinh-Khí-Thần lại cũng được gọi là Pháp thân,

là Bát-nhã, là Giải thoát; cũng gọi là Giới, Định, Huệ; cũng gọi là Nhất thể Tam bảo. Sách Huyền tông trực chỉ ghi: “Giới dùng để dưỡng tinh, định dùng để dưỡng khí, huệ dùng để dưỡng thần.” Ảnh minh họa sự tu tập Tinh-Khí-Thần theo sự giải thích của Phật Giáo.



Hình 12: Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba tôn giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tri niệm và cúng kiến theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học vấn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thần gần với Lão Giáo. Theo Phật giáo, Tinh là cái nguồn tinh vốn có xưa nay. Tinh cũng là Giới là sự thuần nhất không hỗn tạp, đầy đủ các tướng trong sạch thanh tịnh. Đó chính là Pháp thân thanh tịnh. Pháp thân thanh tịnh tức là tự tánh của chúng sanh. Khí là cái nguồn khí vốn có xưa nay. Định là sự vắng lặng an nhiên chẳng động, đầy đủ vô số ý nghĩa nhiệm mầu. Đó chính là Báo thân viên mãn. Báo thân viên mãn tức là trí tuệ của các ông đó. Thần là cái nguồn thần vốn có xưa nay. Thần là Huệ, là sự cảm ứng mà thông suốt, đầy đủ vô số công dụng nhiệm mầu. Đó chính là Hóa thân thiên bách ức. Hóa thân thiên bách ức tức là đức hạnh của hành giả. Tinh-Khí-Thần lại cũng được gọi là Pháp thân, là Bát-nhã, là Giải thoát; cũng gọi là Giới, Định, Huệ; cũng gọi là Nhất thể Tam bảo. Sách Huyền tông trực chỉ ghi: “Giới dùng để dưỡng tinh, định dùng để dưỡng khí, huệ dùng để dưỡng thần.” Ảnh minh họa sự tu tập Tinh-Khí-Thần theo sự giải thích của Phật Giáo.



Hình 13: Tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn kính trọng Tam Giáo: Phật-Thánh-Tiên, vì họ xem ba tôn giáo này đều có cùng một gốc. Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tri niệm và cúng kiến theo nghi thức Phật giáo; lễ nghi, học vấn và văn tự theo Nho giáo; rèn luyện Tinh-Khí-Thân gần với Lão Giáo. Theo Phật giáo, Tinh là cái nguồn tinh vốn có xưa nay. Tinh cũng là Giới là sự thuần nhất không hỗn tạp, đầy đủ các tướng trong sạch thanh tịnh. Đó chính là Pháp thân thanh tịnh. Pháp thân thanh tịnh tức là tự tánh của chúng sanh. Khí là cái nguồn khí vốn có xưa nay. Định là sự vắng lặng an nhiên chẳng động, đầy đủ vô số ý nghĩa nhiệm mầu. Đó chính là Báo thân viên mãn. Báo thân viên mãn tức là trí tuệ của các ông đó. Thân là cái nguồn thân vốn có xưa nay. Thân là Huệ, là sự cảm ứng mà thông suốt, đầy đủ vô số công dụng nhiệm mầu. Đó chính là Hóa thân thiên bách ức. Hóa thân thiên bách ức tức là đức hạnh của hành giả. Tinh-Khí-Thân lại cũng được gọi là Pháp thân, là Bát-nhã, là Giải thoát; cũng gọi là Giới, Định, Huệ; cũng gọi là Nhất thể Tam bảo. Sách Huyền tông trực chỉ ghi: “Giới dùng để dưỡng tinh, định dùng để dưỡng khí, huệ dùng để dưỡng thân.” Ảnh minh họa sự tu tập Tinh-Khí-Thân theo sự giải thích của Phật Giáo.



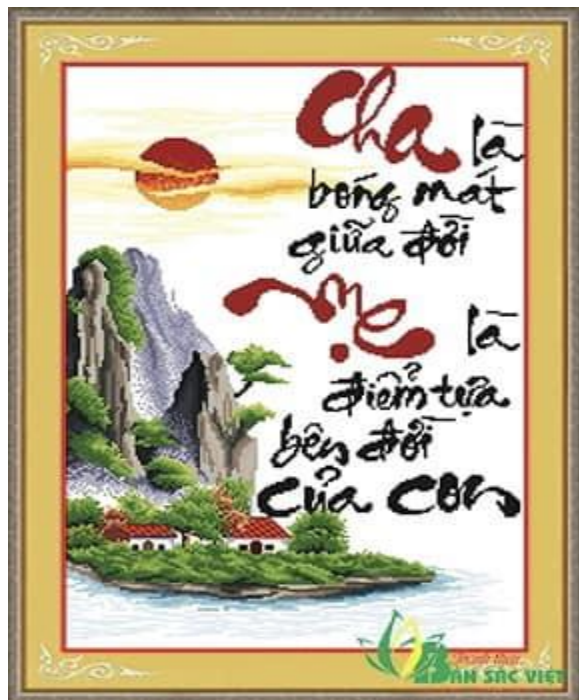
Hình 14: Ảnh minh họa lòng hiếu thảo đối với cha mẹ của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nguồn ảnh internet (Google). Theo giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sinh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dày ấy.” Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nào làm đúng như thế mới đúng là Tu Nhơn, xứng đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật.



Hình 15: Ảnh minh họa lòng hiếu thảo đối với cha mẹ của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nguồn ảnh internet (Google). Theo giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sinh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dày ấy.” Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nào làm đúng như thế mới đúng là Tu Nhơn, xứng đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật.



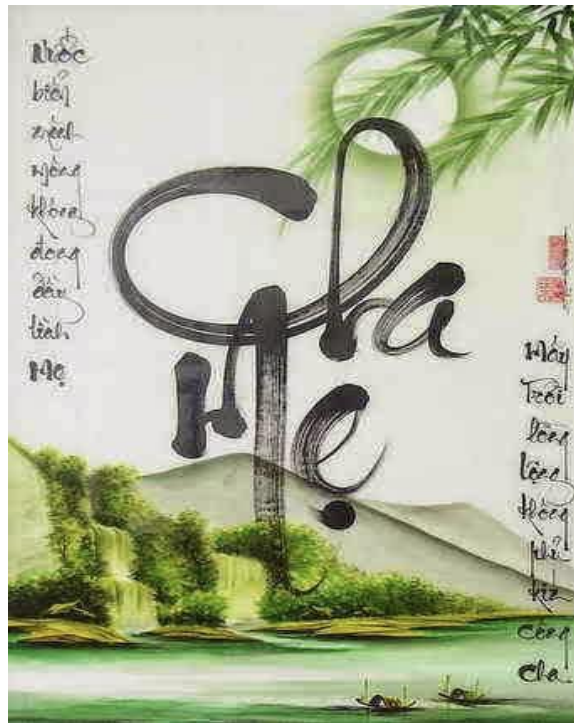
Hình 16: Ảnh minh họa lòng hiếu thảo đối với cha mẹ của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nguồn ảnh internet (Google). Theo giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sinh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dày ấy.” Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nào làm đúng như thế mới đúng là Tu Nhơn, xứng đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật.



Hình 17: Ảnh minh họa lòng hiếu thảo đối với cha mẹ của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nguồn ảnh internet (Google). Theo giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sinh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dày ấy.” Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nào làm đúng như thế mới đúng là Tu Nhơn, xứng đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật.



Hình 18: Ảnh minh họa lòng hiếu thảo đối với cha mẹ của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nguồn ảnh internet (Google). Theo giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sinh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dày ấy.” Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nào làm đúng như thế mới đúng là Tu Nhơn, xứng đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật.



Hình 19: Ảnh minh họa lòng hiếu thảo đối với cha mẹ của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nguồn ảnh internet (Google). Theo giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thân hình ta do sự phối hợp âm dương của cha mẹ mà sinh ra. Do đó, công ơn cha mẹ lớn rộng như Trời Đất, ta phải lo đền trả nghĩa cao dày ấy.” Người tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa nào làm đúng như thế mới đúng là Tu Nhơn, xứng đáng đạo làm người. Xong đạo làm người mới nói đến chuyện Học Phật.

XVIII

ĐỨC HUỲNH PHÚ SỔ VÀ PHẬT GIÁO HOÀ HẢO (P-1)

I. THÂN THỂ ĐỨC THẦY HUỲNH PHÚ SỔ (1920-1947)

Huỳnh Phú Sổ sanh ngày 15 tháng 1 năm 1920, nhằm ngày 25 tháng 11 năm Kỷ Mùi (cuối năm Kỷ Mùi, đầu năm Canh Thân), tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, ngày nay là thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Phú, tỉnh An Giang. Ông sinh ra trong một gia đình trung nông tại một vùng quê hẻo lánh của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cha ông là ông Huỳnh Công Bộ (1), giữ chức Hương Cả làng Hòa Hảo. Mẹ của ông là bà Lê thị Nhậm, con gái của một gia đình danh giá trong làng. Lúc nhỏ, Huỳnh Phú Sổ là một cậu bé thông minh đỉnh đạt, học rất giỏi và có năng khiếu về thơ văn. Sau khi thi đậu tiêu học, vì cứ bệnh hoạn liên miên nên ông không thể tiếp tục lên bậc trung học được. Đầu năm 1934, ông bị bệnh nặng, gia đình đã đưa ông đi chữa trị nhiều nơi, kể cả Đông y và Tây y, nhưng không khỏi. Gia đình nghe tin trên Núi Cấm vùng Thất Sơn, có một ông đạo trị bệnh rất hay, chữa khỏi rất nhiều bệnh nan y, nên đã đưa ông đến đây để được chữa trị. Tại đó, ngoài việc chữa trị, ông còn được các ông đạo giải sấm giảng Bửu Sơn Kỳ Hương, và còn được đọc kệ giảng của tông phái này. Ngoài ra, ông còn được mấy ông đạo ở đây chỉ bảo cho nghề bốc thuốc Nam và cách chữa trị theo Đông y, cũng như cho đi theo lên rừng hái thuốc. Đến khoảng gần cuối năm đó, sau khi lành bệnh, ông được gia đình rước về nhà. Lúc này cha mẹ ông tính chuyện chọn cho ông một người bạn đời, nhưng ông cương quyết từ chối. Các bạn cùng xóm đến rủ rê đàn địch, ca hát, thì ông cũng không thích. Suốt ngày ông chỉ thích ở nơi vắng vẻ, trầm tư mặc tưởng như đang nghĩ đến chuyện gì lớn lao lắm vậy!

Dẫu hãy còn rất trẻ, nhưng thấy sự hiệu nghiệm tuyệt vời của môn thuốc Đông Y, nên sau khi trở về nhà, ông phát tâm làm nghề bốc thuốc Đông y để trị bệnh cho dân chúng trong làng. Đến đầu năm 1935, nghĩa là lúc ông mới lên 15 tuổi, cái tuổi còn quá trẻ để có thể học và hiểu đời, chứ đừng nói chi đến việc ngộ đạo. Thế mà bỗng một hôm ông ngộ đạo, phải nói là “đốn ngộ”, tức là biết mọi chuyện ngay tức thì, thông suốt Phật Pháp ngay tức thì mà không cần thầy chỉ dạy. Đây phải nói là bậc “Vô sư trí”. Phải thành thật mà nói, sự hiểu biết vô sư của ông còn hơn hẳn nhiều vị cao Tăng đắc đạo. Bên cạnh đó, lại có một hiện tượng “tức

thi” khác nữa, là ngay ở tuổi 15, đức Huỳnh Giáo Chủ đã tự nhiên ứng khẩu thành những vần thơ đạo tuyệt luân. Chính nhờ những yếu tố này mà đức Huỳnh Giáo Chủ đã có thể dễ dàng mượn những vần thơ để chuyên chở những giáo lý mà ngài muốn đem ra cho người đời ứng dụng.

Lại nữa, ngay vào cái tuổi 15, ngài lại còn có thêm cái tài dùng thi phú văn chương để ứng đáp với mọi người, để giảng giải đạo pháp cho mọi người. Trước khi đức ngài khai sáng nền đạo Phật Giáo Hòa Hảo thì đức ngài đã nổi tiếng trong vùng về sự biểu tỏ tình yêu thương đồng bào dân tộc và mọi loài chúng sanh qua các thi kệ của đức ngài. Trong thi văn sấm giảng của đức ngài có rất nhiều bài nói về tình yêu, nhưng tình yêu mà đức ngài muốn nói ở đây nó vượt lên trên hẳn tất cả những định nghĩa phạm tục của nó, nội dung của nó rất tuyệt vời mà thiết thực, nó vừa thanh cao siêu thoát mà cũng vừa thực tiễn vô cùng. Dưới đây người viết bài này chỉ đưa ra một bài tiêu biểu mà thôi:

“Ta có tình yêu rất đượm nồng,
 Yêu đời, yêu lẫn cả non sông.
 Tình yêu chan chứa trong hoàn vũ,
 Không thể yêu riêng khách má hồng.
 Nếu khách má hồng muốn được yêu,
 Thì trong tâm trí hãy xoay chiều,
 Hướng về phụng sự cho nhân loại,
 Sẽ gặp tình ta trong khối yêu.
 Ta đã đa mang một khối tình,
 Dường như thệ hải với sơn minh.
 Tình yêu mà chẳng riêng ai cả,
 Yêu khắp muôn loài lẫn chúng sanh.”

Một người thanh niên vùng sông nước, mới 15 tuổi, rất ít học, mà lại ứng khẩu thành một bài thơ tuyệt tác về “tình yêu” như thế này thì phải nói đây là hiện tượng “ngàn năm cây sắt mới có một lần nở hoa.”

II. ĐỨC THẦY HUỲNH PHÚ SỔ KHAI SÁNG ĐẠO PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Đến ngày 18 tháng 5 âm lịch, năm Kỷ Mão, nhằm ngày 4 tháng 7 năm 1939, đức ngài đứng ra sáng lập giáo phái Phật Giáo Hòa Hảo ngay tại nhà mình, trong làng Hòa Hảo. Lúc đó đức ngài mới có 19 tuổi, mà đã được tín đồ tôn xưng ông là Đức Thầy hay Đức Huỳnh Giáo Chủ. Lúc này chính đức Thầy đứng ra cử hành lễ “Đền Linh Khứu Sơn Trung Thọ

Mạng” khai đạo, lấy tên là Phật giáo Hòa Hảo, vì đó vừa là tên bản làng của ông, mà cũng vừa có ý nghĩa là “Hiếu Hòa” và “Giao Hảo”, lại mang thêm hàm nghĩa là đạo Phật ở làng Hòa Hảo. Sau khi khai đạo, đức Thầy đi nhiều nơi khắp xứ Nam Kỳ vừa chữa bệnh vừa thuyết giải sấm giảng trong dân chúng. Số lượng tín đồ PGHH ngày càng tăng và tăng rất nhanh. Sự hấp dẫn của Phật Giáo Hòa Hảo cũng rất dễ hiểu, vì khoảng từ năm 1939 đến năm 1945, người dân, nhất là quần chúng lao động đang phải sống trong tối tăm và khổ nhục cùng cực, dưới ách áp bức bóc lột của hai gọng kềm là thực dân Pháp rồi đến phát xít Nhật. Tâm trạng họ bế tắc trong cảnh nhọc nhằn đời khổ, sưu cao thuế nặng, mà còn phải luôn bị đe dọa vì nạn khủng bố và đàn áp của thực dân Pháp và Phát xít Nhật. Chính vì vậy mà từng lời nói, từng câu thơ thâm thúy của đức Thầy đã nhanh chóng đi vào lòng của người dân lao động. Quần chúng lao động miền Tây chỉ còn trông mong hướng đến hy vọng cuối cùng là Phật Tiên mà đức Thầy đã nói đến trong giáo lý của mình.

Bằng thơ văn và kệ giảng, đức Huỳnh Giáo Chủ đã đưa ra những lời sấm giảng thật bình dị và dễ đi vào lòng người, và cũng chính vì vậy mà chỉ trong vòng chưa đầy 2 năm, từ năm 1939 đến năm 1940, con số tín đồ chỉ riêng tại miền Tây đã lên đến trên một triệu người, rồi lan sang miền Đông Nam Kỳ, khiến cho thực dân Pháp vô cùng lo ngại. Ngày 18 tháng 8 năm 1939, chính quyền thực dân Pháp bắt đưa ngài đi quản thúc tại Sa Đéc. Đến ngày 23 tháng 5 năm 1940, họ lại chuyển ngài sang quản thúc ở làng Nhơn Nghĩa, tỉnh Cần Thơ. Tuy nhiên, tại cả hai nơi đều có đông đảo quần chúng đến xin được nghe ngài thuyết pháp và quy y với Phật Giáo Hòa Hảo. Thấy bị phản ứng ngược trong việc đưa ngài đi quản thúc, đến ngày 28 tháng 7 năm 1940, thực dân Pháp lại chuyển ngài vào bệnh viện Cần Thơ, rồi sau đó đưa lên nhà thương Chợ Quán tại Sài Gòn. Đến tháng 6 năm 1941, đức Huỳnh Giáo Chủ lại bị thực dân Pháp đưa đi quản thúc tại Bạc Liêu, và buộc ông không được phép trị bệnh và thuyết pháp. Tuy nhiên, hễ nơi nào có đức Huỳnh Giáo Chủ là ngay lập tức dân chúng kéo đến xin quy y với ngài, nên đến tháng 10 năm 1942, thực dân Pháp lại định đưa ngài đi đày ở Ai Lao. Hay tin này, rất đông tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đã cầu cứu với hiến binh Nhật đến giải cứu và đưa ông về Sài Gòn. Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1945, đức Huỳnh Giáo Chủ đi thuyết pháp và khuyến nông tại 107 địa điểm trên khắp vùng Đất Phương Nam.

Phật giáo Hòa Hảo chủ trương cải cách Phật giáo theo đúng với đời sống thực tế của người nông dân Việt Nam, không chú trọng đến hình thức bề ngoài, cũng không xây dựng chùa miếu nguy nga, không tạc tượng đúc chuông, không xin xăm bói quẻ, không mê tín dị đoan đốt

giấy vàng mã, không cầu đảo thần thánh. Trái lại, đức Thầy khuyến khích áp dụng mọi thủ tục đơn giản trong cách thờ phượng, trong việc cưới xin và tang lễ. Tuy nhiên, có một điều rất dễ thương trong Phật Giáo Hòa Hảo là dấu không chủ trương xây dựng chùa miếu, không đúc chuông thờ tượng, đức Thầy khuyên hàng đệ tử lúc nào cũng phải kính trọng chư Tăng Ni và không đả phá việc xây dựng chùa chiền bên Phật Giáo.

Từ đó, đức Huỳnh Giáo Chủ vừa đi đó đây bốc thuốc trị bệnh giúp đời, vừa giảng giải giáo lý mà cũng vừa viết sấm giảng, hình thành một phương cách tu hành mới. Giáo lý của đức Huỳnh Giáo Chủ được thể hiện trong những bài sấm kệ do chính đức ngài biên soạn, bao gồm 2 phần: Sấm giảng giáo lý và Thi văn giáo lý. Phần thứ Nhất là phần Sấm giảng Giáo Lý gồm 6 quyển được đức ngài viết từ năm 1937 đến năm 1945 gồm có: 1) Quyển 1 có tựa đề “Sấm Giảng Khuyên Người Đời Tu Niệm” được viết bằng thể thơ lục bát, gồm 912 câu, nội dung khuyên người đời tu niệm theo đạo. 2) Quyển 2 có tựa đề “Kệ Dân Của Người Khùng” được viết bằng thể thơ thất ngôn trường thiên, dài 846 câu. 3) Quyển 3 có tựa đề “Sấm Giảng” được viết bằng thể thơ lục bát, dài 612 câu. 4) Quyển 4 có tựa đề “Giác Mê Tâm Kệ” được viết bằng thể thơ thất ngôn trường thiên, dài 846 câu. 5) Quyển 5 có tựa đề “Khuyến Thiện” được viết bằng thể thơ lục bát và thất ngôn, dài 756 câu, xuất bản năm 1942. 6) Quyển 6 có tựa đề “Tôn Chi Hành Đạo” được viết bằng văn xuôi, xuất bản lần đầu vào năm 1945. Phần thứ Nhì là phần Thi Văn Giáo Lý, bao gồm 200 bài thơ do chính đức ngài viết từ năm 1939 đến năm 1947. Sau khi Ngài vắng bóng, các đệ tử đã tái bản quyển 6 vào năm 1950. Nói tóm lại, toàn bộ giáo lý của đức Huỳnh Giáo Chủ là phát triển giáo lý học Phật tu nhân, là sự nối tiếp và nâng cao giáo lý Bửu Sơn Kỳ Hương của đức Phật Thầy Tây An hồi thế kỷ thứ XIX.

Với giáo lý nhà Phật được đức Thầy giảng dạy qua thi văn một cách bình dân dễ hiểu và dễ tu tập cho mọi người mọi giới, nên không bao lâu sau đó, Phật Giáo Hòa Hảo đã lan truyền khắp cả miền Nam. Khi nói đến đức Huỳnh Giáo Chủ, có nhiều thứ mà người phàm khó lòng tin nổi, vì tự thờ giờ, đức ngài có học chữ Hán đâu, nhưng đức ngài lại tỏ ra rất sành sỏi về chữ Nho. Đức ngài có học tí gì về ngành y ngành thuốc đâu, thế nhưng đức ngài lại có thể chữa trị dứt hẳn một số bệnh nan y. Việc đức ngài có khả năng trị dứt nhiều bệnh nan y mà không cần dùng đến thuốc men phải nói là khó tin đối với chúng ta, nhưng đó là sự thật với rất nhiều nhân chứng đáng tin cậy và đã được nhiều người ghi lại. Đây chính là cách mà nhiều đấng thiêng liêng muốn chúng tỏ cho người đời biết để mà còn biết kính vì thần thánh. Tuy nhiên, những công việc trị

bệnh cứu người một cách huyền diệu này không phải là cứu cánh trong PGHH, vì chính đức Thầy đã nói về sứ mệnh của ngài như sau: “Phương pháp của ta, tùy trình độ căn cơ của Thiện Nam Tín Nữ, trên thì nói Phật Pháp cho những ai có lòng mộ đạo, quy căn gốc thiện duyên cùng Phật Tổ, dưới dùng huyền diệu của Tiên Gia trị bệnh để kẻ ít căn lành nhờ được trị lành mà cảm lòng từ bi của Phật Trời.”

Đức Thầy còn khuyên tín đồ PGHH (Phật Giáo Hòa Hảo) nên tạo phước đức và công đức, vì theo đức Thầy, phước đức là giúp người trong khi công đức là tự giúp mình. Làm người phải tạo được cả 2 thứ phước đức và công đức mới có thể trở thành một bậc hiền nhân được. Tuy nhiên, đức Thầy luôn nhấn mạnh đến việc tu nhân, phải tu hành cho mình có đạo đức, trước hết là đạo làm người. Chính vì vậy mà đức Thầy thường nhắc nhở mọi người như vậy: Thiên kinh vạn quyển, hiếu nghĩa vi tiên, có nghĩa là dầu cho có đọc hết ngàn quyển kinh hay vạn quyển sách, vẫn lấy hiếu nghĩa làm đầu. Hoặc đức Thầy cũng thường hay nhắc nhở: Dục tu tiên đạo, tiên tu nhân đạo; Nhân đạo bất tu, tiên tu viễn hỷ, nghĩa là muốn tu thành Tiên thành Phật, trước hết phải tu đạo làm người; đạo làm người mà không tu thì Tiên Phật còn xa vời lắm vậy.

Trong khuôn khổ hạn hẹp của tập sách Hào Kiệt Đất Phương Nam này, tác giả không cách gì đem hết những cái tuyệt luân của đức Huỳnh Giáo Chủ để viết xuống, những ai muốn biết nhiều và chi tiết về ngài, có thể tìm đọc những quyển giáo lý Phật giáo Hòa Hảo do chính đức ngài ứng khẩu thành thi kệ để truyền lại cho đời. Những năng lực tâm linh siêu phàm này chắc hẳn trong nhiều ngàn năm chúng ta mới thấy có được một đấng như đức ngài xuất hiện, cũng giống như loài hoa Vô Ưu phải đến cả ngàn năm mới nở một lần. Phải thực tình mà nói, ngay cái tuổi 15, mà năng lực của đức ngài chính là năng lực của một đấng giáo chủ. Nếu chúng ta để ý một chút thì chúng ta sẽ thấy rằng đức ngài không đem những pho kinh điển giáo điển Phật giáo ra để giảng cho nông dân vùng đất phương Nam, vì đức ngài biết rằng dầu có mất cả ngàn năm làm cái việc đó thì người nông dân vùng đất này cũng chẳng màng lưu ý tới. Chính vì thế mà đức ngài đã kết hợp giáo lý nhà Phật với những hoàn cảnh xã hội, cũng như phong tục tập quán và thời điểm để lập thành một tôn giáo đặc thù, có tính cách “hòa hợp hoàn hảo” cho mọi căn cơ trình độ, nhất là căn cơ trình độ của những nông dân trên vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chính cái tên “Hòa Hợp Hoàn Hảo” đã được mọi người ưng ý vì nó lại trùng hợp với cái tên bản quán của đức ngài là “Hòa Hảo”, vì vậy đức ngài đã quyết định đặt cho giáo lý của mình cái tên “Phật Giáo Hòa Hảo.” Phải nói hiện tượng của đức giáo chủ Huỳnh Phú Sổ là một hiện tượng hết sức kỳ đặc, kỳ đặc ở chỗ một thanh niên 19

tuổi nơi vùng sông nước của miền đất phương Nam, chỉ mới học xong bậc tiểu học, mà lại khai sáng ra một nền đạo với hơn 7 triệu tín đồ, và kỳ đặc ở chỗ có lẽ đức ngài là vị giáo chủ trẻ tuổi nhất trong số những vị Giáo Chủ đã từng khai sáng đạo giáo trên địa cầu này.

Vào thời đó, phải nói sự phát triển mạnh mẽ của Phật Giáo Hòa Hảo và uy tín của đức Thầy trong dân chúng đã làm cho chính quyền thực dân lo ngại. Để đối phó, chính quyền đã tìm cách cô lập ông với tín đồ. Ngày 18 tháng 8 năm 1940, thực dân Pháp lấy cớ là đức Thầy tập trung dân chúng làm mất trị an, nên họ đưa ông đi an trí tại thị xã Sa Đéc. Một tháng sau đó, họ lại đưa đức Thầy đi quản thúc tại làng Nhơn Nghĩa, thuộc tỉnh Cần Thơ. Tuy nhiên, tất cả đều vượt ra ngoài những ý đồ của họ, vì tại những nơi đức Thầy bị đưa đến an trí hay quản thúc, dân chúng địa phương lại ùn ùn kéo tới để nghe đức Thầy thuyết pháp và xin quy-y với Phật Giáo Hòa Hảo. Đến ngày 28 tháng 7 năm 1940, lấy cớ đưa đức Thầy đi chữa bệnh, thực dân đã đưa ngài vào bệnh viện Cần Thơ, rồi sau đó đưa lên bệnh viện Chợ Quán. Đến tháng 6 năm 1941, thực dân Pháp lại đưa đức Thầy về quản thúc tại Bạc Liêu và cấm đức Thầy không được bốc thuốc trị bệnh và thuyết pháp. Đến tháng 10 năm 1942, một số đệ tử của đức Thầy đã giải cứu và đưa đức Thầy về một nơi ẩn náu bí mật tại Sài Gòn. Sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, nghĩa là sau khi Nhật đảo chánh Tây, người Nhật cho đức Thầy được tự do thuyết pháp tại các tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

Ghi Chú:

(1) Theo tài liệu của Ban Trị Sự GHPGHH tại miền Nam California, Đức Ông Huỳnh Công Bộ là phụ thân của Đức Huỳnh Giáo Chủ, người khai sáng Phật Giáo Hòa Hảo năm 1939 tại làng Hòa Hảo, nay là huyện Phú Tân tỉnh An Giang. Đức Ông là Hương Cả tại làng Hòa Hảo, gia đình trung lưu, phúc hậu, có vai trò quan trọng và uy tín với nhân dân địa phương. Ông sơ và ông cố của Đức Ông đều là công thần hy sinh vì tổ quốc, được vua ban chiếu khen thưởng. Được biết năm 1791 ông Sơ của Đức Ông là ông Huỳnh Công Trí làm chức Đại Đô Đốc Thời Tây Sơn, trấn giữ thành Diên Khánh, Phú Yên. Hiện thành lũy quân sự duy nhất của Triều Nguyễn vẫn còn nguyên vẹn ở Miền Trung. Đến thờ Huỳnh Công Trí có một bản lớn trước cửa có ghi Tiên Hiền Huỳnh Phú, và công vào Lăng có ghi: Lăng Ông Tổng Trấn Bích Tuần Thành, Lịch Cả Huỳnh Công Trí. Tiên Hiền, Mỹ Hội Đông. Ông Cố của Đức Ông Huỳnh Công Bộ là ông Huỳnh Văn Truyền, giữ chức Cai Biện An Giang. Ông có công đánh giặc và đã tử vì nước tại Cao Miên. Trên vách miếu ông Huỳnh Văn Truyền có treo bản ghi: “ Miếu Đức Tăng Cố Tổ, An Giang

tính. Cai Biện Huỳnh Phủ Truyền, Trung Quân Ái Quốc Chi Thân. Hy sinh trận giặc Trấn Tây Thành vào chiều ngày mùng 10 tháng 8 âm lịch tại Vàm Trung, tỉnh Cấn Ché Karatié-Kampuchia, đời 2 vua Minh Mạng và Thiệu Trị (từ năm 1840 đến năm 1846). Hiện ngôi mộ của ông Huỳnh Phủ Truyền tại xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Còn ngôi miếu thờ ông thì ở xã Tân Trung, huyện Phú Tân tỉnh An Giang. Ông Bà Nội của Đức Ông Huỳnh Công Bộ là ông Huỳnh Văn Lộc và bà Bùi Thị Hòa, cư ngụ tại thôn Lý Lương, huyện Long Xuyên. Hiện mộ của ông bà nội Đức Ông tại xã Tân Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, nằm giữa ruộng, cách nhau khoảng 100 mét, được xây lại năm 1960. Thân phụ và thân mẫu của Đức Ông Huỳnh Công Bộ là ông Huỳnh Văn Tạ và bà Lê Thị Hữu, cư ngụ tại thôn Mỹ Lương, huyện Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông bà có 8 người con. Đức ông là người con út. Hiện mộ phần của thân phụ mẫu Đức Ông nằm phía sau Tổ Đình gần khu mộ của Đức Ông Huỳnh Công Bộ, Đức Bà Lê thị Nhậm, bà Huỳnh Thị Kim Biên, và em Đức Thầy.



Hình 1: Hình cha mẹ của đức thầy Huỳnh Phú Sở. Đức Ông Huỳnh Công Bộ sanh năm mậu Tý 1888, và mãn phần ngày 6 tháng 3 âm lịch năm Tân Sửu 1961, hưởng thọ 73 tuổi. Ông có 2 người con với bà vợ cả Võ Thị Tôn. Sau khi bà mãn phần Đức Ông tái giá với bà Lê Thị Nhậm và có 3 người con là Đức Huỳnh Giáo Chủ, bà Huỳnh Thị Kim Biên và ông Huỳnh Thạnh Mậu. Mộ phần Đức Ông và Đức Bà được xây rất đẹp và trang trọng phía sau Tổ Đình gần hồ sen. Mỗi năm vào các ngày giỗ của Đức Ông các thân nhân họ Huỳnh ở Kiên An đến đều Tổ Đình tham dự (xem phần ghi chú số (1)), nguồn ảnh theo tài liệu của Ban Trị Sự GHPGHH tại miền Nam California, U.S.A.



Hình 2: Miếu thờ Huỳnh Phủ Truyền tại xã Kiên An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (xem phần ghi chú số (1)), nguồn ảnh theo tài liệu của Ban Trị Sự GHPGHH tại miền Nam California, U.S.A.



Hình 3: Miếu Đức Tăng Cố Tổ, An Giang tỉnh, Cai Biện Huỳnh Phủ Truyền, Trung Quân Ái Quốc Chi Thân. Hy sinh trận giặc Trấn Tây Thành vào chiều ngày mùng 10 tháng 8 âm lịch tại Vàm Trung, tỉnh Cần Ché Karatié-Kampuchia, đời vua Minh Mạng, Thiệu Trị (1840-1846) Hiện ngôi Miếu của ông Huỳnh Phủ Truyền tại xã Kiên An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (xem phần ghi chú số (1)), nguồn ảnh theo tài liệu của Ban Trị Sự GHPGHH tại miền Nam California, U.S.A.



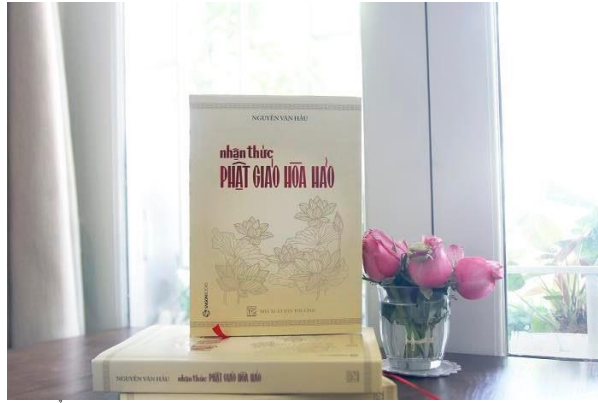
Hình 4: Cổng vào Lăng có ghi: Lăng Ông Tông Trần Bích Tuấn Thành, Lịch Cả Huỳnh Công Trí. Tiên Hiền Mỹ Hội Đông, (xem phần ghi chú số (1)), nguồn ảnh theo tài liệu của Ban Trị Sự GHPGHH tại miền Nam California, U.S.A.



Hình 5: Đền Thờ Huỳnh Công Trí có một bản lớn ghi Tiên Hiền Huỳnh Phủ (Ông Sơ của Đức Ông là ông Huỳnh Công Trí), xem phần ghi chú số (1), nguồn ảnh theo tài liệu của Ban Trị Sự GHPGHH tại miền Nam California, U.S.A..



Hình 6: Đức Huỳnh Giáo Chủ (Huỳnh Phú Sổ), vị giáo chủ khai sáng đạo PGHH, sinh ngày 25 tháng 11 năm Kỷ Mùi, nhằm ngày 15 tháng Giêng năm 1920, tại làng Hoà Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang). Sơ dĩ có tên là PGHH vì đạo phát sinh tại làng Hoà Hảo, nơi ông ra đời. Sau khi học xong chương trình bậc tiểu học, ông phải nghỉ vì lý do sức khoẻ. Đến năm 18 tuổi, bỗng nhiên ông hết bệnh và thay đổi toàn diện từ thể xác và tinh thần. Ông trở nên khôi ngô tuấn tú và có một kiến thức uyên bác về Phật học và Hán học, hai tài năng nổi bật là xuất khẩu thành thơ và chữa bệnh. Đến năm 19 tuổi, ông nổi danh khi trị được nhiều bệnh nan y với các phương thức trị liệu dân tộc thật đơn giản, nguồn ảnh theo tài liệu của Ban Trị Sự GHPGHH tại miền Nam California, U.S.A.



Hình 7: Hình bìa quyển “Nhận thức Phật Giáo Hòa Hảo” (Saigon Books và NXB Tôn Giáo) được tái bản từ bản in lần đầu do Hương Sen ấn hành vào năm 1969. Ở lần tái bản này, ngoài Lời tựa, Lời bạt và 19 chương sách khảo luận công phu trí tuệ của cố Học giả Nguyễn Văn Hào, cuốn sách còn được bổ sung phần Phụ lục, gồm 6 bài viết cũng là những nhận xét khách quan của các nhà trí thức, học giả, triết gia, trong và ngoài nước như: Sơn Nam, Nguyễn Hiến Lê, Minh Chi, Phạm Cao Dương, Phạm Công Thiện, nguồn ảnh theo tài liệu của Ban Trị Sự GHPGHH tại miền Nam California, U.S.A.



Hình 8: Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo trước 1975. Sau khi Đức thầy Huỳnh Phú Sổ mất tích, Đức ông Huỳnh Công Bộ, phụ thân của Đức thầy, đứng ra lãnh đạo PGHH cả về mặt đạo, lẫn mặt đời. Lực lượng Hòa Hảo lúc đó vừa chống Pháp, vừa chống VM. Tuy nhiên, cũng có khi quân Hòa Hảo bắt tay với Pháp chống VM. Ở miền Tây, lực lượng Hòa Hảo do 4 nhân vật chính chỉ huy là: 1) Trần Văn Soái (Năm Lửa) ở Cái Vồn, Cần Thơ và Vĩnh Long. 2) Nguyễn Giác Ngộ ở Chợ Mới, An Giang. 3) Lê Quang Vinh (Ba Cụt) ở An Giang, và Cần Thơ. 4) Lâm Thành Nguyên ở Châu Đốc và Hà Tiên, nguồn ảnh theo tài liệu của Ban Trị Sự GHPGHH tại miền Nam California, U.S.A.

XIX

ĐỨC HUỖNH GIÁO CHỦ VÀ PHẬT GIÁO HOÀ HẢO (P-2)

III. ĐỨC THẦY VẮNG BÓNG

Cũng ngay vào ngày 9 tháng 3 năm 1945, đức Huỳnh Giáo Chủ thành lập Việt Nam Phật Giáo Liên Hiệp Hội để nâng cao tinh thần đạo Phật, và Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội để xây dựng nền độc lập của quốc gia. Đến tháng 8 năm 1945, đệ nhị thế chiến đã vào hồi chấm dứt. Trong vòng 2 ngày 6 và 8 tháng 8 năm 1945, không quân Hoa Kỳ ném 2 quả bom nguyên tử xuống 2 thành phố đông dân của Nhật Bản là Nagasaki và Hiroshima làm thiệt mạng hàng trăm ngàn người. Ngày 14 tháng 8 năm 1945, đức Huỳnh Phú Sổ cùng các ông Hồ Văn Ngà, Trần Văn Ân, Nguyễn Văn Sâm, Trần Văn Thạch... đã thành công trong việc liên kết tất cả đảng phái và thành lập Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất. Một ngày sau khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, ngày 21 tháng 8 năm 1945, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất đã tổ chức một cuộc biểu tình vĩ đại với trên 200.000 người tham dự, nhưng những người lãnh đạo cuộc biểu tình đã không tuyên bố Việt Nam độc lập và cũng không cướp chính quyền.

Ngày hôm sau, Việt Minh đã nhìn thấy sức mạnh như nước vỡ bờ của cuộc biểu tình của quần chúng tại vùng Đất Phương Nam, nên ngay hôm cuộc biểu tình tại Hà Nội cũng không phải do Việt Minh tổ chức, vào ngày 22 tháng 8 năm 1945, mà Việt Minh chỉ xuất hiện vào giờ thứ 25, căng một số biểu ngữ và hướng cuộc biểu tình tiến chiếm dinh Khâm Sai. Ngày 23 tháng 8 năm 1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị và trao quyền lãnh đạo cho Việt Minh. Ngày 24 tháng 8 năm 1945, Tổng Bộ Việt Minh phái Hoàng Quốc Việt, tức Hà Bá Cang và Cao Hồng Lãnh đi vào Nam Kỳ. Lúc này hầu như ảnh hưởng của Việt Minh và đảng Cộng Sản Đông Dương hầu như không có gì đáng kể tại miền Nam. Ngày 25 tháng 8 năm 1945, vua Bảo Đại trao quyền và trao ấn kiếm của nhà Nguyễn cho đại diện Việt Minh là Trần Huy Liệu. Lúc bấy giờ, ngày 25 tháng 8 năm 1945, tại miền Nam Việt Nam, Việt Minh mới tổ chức biểu tình và cướp chính quyền tại Sài Gòn.

Trong điều kiện thuận lợi này, phong trào Thanh Niên Tiền Phong và Việt Minh đã nổi lên và dễ dàng chiếm được Sài Gòn và các tỉnh miền Nam vào ngày 25 tháng 8 năm 1945. Ngày 8 tháng 9 năm 1945, sau lời kêu gọi của đức Huỳnh Giáo Chủ, giáo đồ Phật Giáo Hòa Hảo rầm rộ

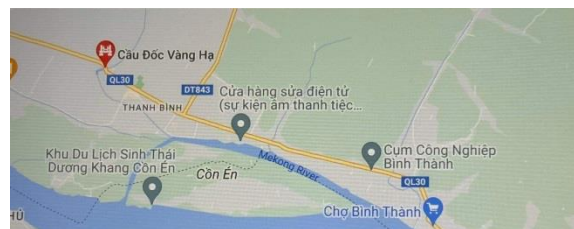
biểu tình tại Cần Thơ. Tuy nhiên, ngày hôm sau, 9 tháng 9 năm 1945, Việt Minh cho Quốc Gia Tự Vệ Cuộc bao vây trụ sở Phật Giáo Hòa Hảo, tọa lạc tại số 8 đường Sohier, Sài Gòn để tìm bắt đức Huỳnh Giáo Chủ, nhưng ngài đã thoát ra khỏi chỗ này vài giờ trước đó. Ngày 7 tháng 10 năm 1945, Cộng Sản đem ra sân vận động Cần Thơ xử tử những người Hòa Hảo cầm đầu cuộc hôm 8 tháng 9 năm 1945, trong đó có ông Huỳnh Thanh Mậu, em ruột của đức Huỳnh Giáo Chủ; Trần Ngọc Hoàn, con ông Trần Văn Soái, tức Năm Lửa; Nguyễn Xuân Thiếp, tức nhà thơ Việt Châu, anh chú bác ruột với nhà văn Nguyễn Hiến Lê. Tuy nhiên, đến ngày 26 tháng 10 năm 1945, quân đội Pháp tái chiếm Cần Thơ, tin đồn Phật Giáo Hòa Hảo lập tức truy tìm những người Cộng Sản vừa mới xử tử những lãnh tụ của họ hôm 7 tháng 10 vừa rồi.

Sau tạm ước ngày 6 tháng 3 năm 1946 giữa Pháp và Việt Minh. Lúc này Việt Minh làm đủ mọi cách để tạm thời cải thiện quan hệ với Hòa Hảo. Vì lòng yêu nước vào mong mỗi độc lập cho đất nước, đức Huỳnh Phú Sổ nhận lời tham gia vào chính quyền Việt Minh. Ngài tham gia vào Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Nam Bộ, do Việt Minh lãnh đạo, với chức vụ Ủy Viên Đặc Biệt. Ngày 21 tháng 6 năm 1946, đức Huỳnh Giáo Chủ cùng một số trí thức thiên tả có khuynh hướng dân tộc, dân chủ, thành lập Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng, gọi tắt là Dân Xã Đảng. Ngày 17 tháng 2 năm 1947, đại diện của đức Huỳnh Giáo Chủ là Nguyễn Bảo Toàn cùng với lãnh tụ các đảng phái quốc gia như Nguyễn Hải Thần, thuộc Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội; Nguyễn Tường Tam, thuộc Việt Nam Quốc Dân Đảng... thành lập Mặt Trận Thống Nhất Quốc Gia Liên Hiệp, với mục đích hậu thuẫn Bảo Đại đàm phán với Pháp thành lập Quốc Gia Việt Nam.

Không may, giữa tháng 4 năm 1947, ông bị phục kích tại Đốc Vàng trong vùng Đồng Tháp và bị bắt đi mất tích luôn từ đó. Tương cũng nên nhắc sơ lại biến cố đêm 16 tháng 4 năm 1947 tại Đốc Vàng. Đêm đó, đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, với tư cách là Ủy Viên Đặc biệt của Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Nam Bộ, đã cương quyết đi vào làng Tân Phú, tỉnh Long Xuyên, theo thư mời của Trần Văn Nguyên, Đặc phái viên, kiêm Thanh tra Chính trị Miền Tây Nam Bộ, và Bửu Vinh, để dự phiên họp với Ủy Viên Quân sự và Thanh tra Chính trị Miền Tây của Việt Minh hầu tìm cách hóa giải những xung đột giữa các phe để có một sức mạnh đoàn kết để cùng nhau đánh thực dân Pháp. Những buổi họp thời bấy giờ thường diễn ra vào ban đêm vì lý do an ninh, tránh bị Tây ruồng bỏ và oanh tạc. Trong buổi họp hôm đó, Việt Minh đã bố trí sẵn một toán Vệ Quốc đoàn võ trang phục kích bao quanh phòng họp, chờ lúc thuận lợi xả súng bắn thẳng vào đức Thầy. Theo sự tin tưởng của các tín đồ PGHH

thì sau lần ám hại đó, đức Thầy không chết vì còn viết thư trước mặt một tín đồ và sai người này mang thư về trao cho 2 ông chỉ huy Quân sự là tướng Nguyễn Giác Ngộ và Trần Văn Soái. Bức thư viết tay của đức Thầy được ông Mai Văn Dậu kiểm tra chữ viết và chữ ký tên, và ông này xác nhận đúng là do đức Thầy viết. Chính vì vậy mà dẫu dư luận cho rằng đức Thầy đã bị ám hại, nhưng người Phật Giáo Hòa Hảo thì tin tưởng Thầy của họ chỉ tạm thời vắng mặt thôi, nên ngày ngày họ vẫn làm theo lời đức Thầy đã căn dặn để chờ ngày đức Thầy trở lại. Tính từ ngày đức Thầy vắng bóng đến nay (2017) đã tròn 70 năm, thế nhưng hằng năm cứ đến ngày 18 tháng 5 âm lịch, tín đồ khắp nơi đều về Thánh Địa Hòa Hảo để tổ chức tưởng niệm ngày đức Thầy vắng bóng, cũng như tưởng niệm đến công đức của đức ngài.

Ngày nay số tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tại miền Nam đã có trên 7 triệu. Họ là những người tu tại gia “đời đạo song hành”. Phải nói đức Thầy sinh ra và lớn lên ở vùng đất phương Nam, ngài đã đi vào lòng người dân phương Nam, nhất là những nông dân, với những câu sấm giảng tu hành cho tròn nhân đạo để chuẩn bị hành trang bước lên đường Phật Đạo. Bên cạnh đó, ngài cũng luôn nhắc nhở các tín đồ về bốn trọng ân: ân Phật, ân cha mẹ thầy tổ, ân đất nước và ân chúng sanh. Người tín đồ PGHH luôn khắc cốt ghi tâm tứ trọng ân, chính vì thế mà khi đất nước lâm nguy, họ đã tự động đứng lên làm thành đoàn thể để đánh giặc Tây, chứ họ không gây rối hay làm cản trở bước tiến của bất cứ đoàn thể nào. Thế mà có những tay đồ tể quốc tế đần độn ám hại một con người yêu nước như đức Thầy. Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có tài liệu chính xác về thủ phạm ám hại đức Thầy. Thôi thì hãy để cho lịch sử sau này phán xét vậy! Mọi chuyện rồi trong một tương lai không xa sẽ được phơi bày ra ánh sáng và bè phái gây ra tội ác này sẽ phải đền tội trước dân tộc và lịch sử.



Hình 1: Bản đồ Google Map 2023, vị trí Cầu Đốc Vàng Hạ, nơi đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng vào đêm 16 tháng 4 năm 1947 tại Rạch Láng Tượng, Đốc Vàng Hạ. Nếu đi từ hướng Cao Lãnh đi An Long, tới Cầu Đốc Vàng Hạ thuộc vùng Thanh Bình, rẽ trái, đi vô khoảng trên 2 cây số sẽ tới một căn nhà có tấm bảng trên cổng trước đề: Dương Phú Đường-Nhà Ma. Đây là nơi đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng. Phía trước ngôi nhà là con rạch mang tên Láng Tượng.



Hình 2: Rạch Láng Tượng, nơi đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng vào đêm 16 tháng 4 năm 1947 tại Rạch Láng Tượng, Đốc Vàng Hạ. Nếu đi từ hướng Cao Lãnh đi An Long, tới Cầu Đốc Vàng Hạ thuộc vùng Thanh Bình, rẽ trái, đi vô khoảng trên 2 cây số sẽ tới một căn nhà có tấm bảng trên công trước đê: Dương Phú Đường-Nhà Ma. Đây là nơi đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng. Phía trước ngôi nhà là con rạch mang tên Láng Tượng, ảnh 2015.



Hình 3: Dương Phú Đường-Nhà Ma, nơi đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng vào đêm 16 tháng 4 năm 1947 tại Rạch Láng Tượng, Đốc Vàng Hạ. Nếu đi từ hướng Cao Lãnh đi An Long, tới Cầu Đốc Vàng Hạ thuộc vùng Thanh Bình, rẽ trái, đi vô khoảng trên 2 cây số sẽ tới một căn nhà có tấm bảng trên công trước đê: Dương Phú Đường-Nhà Ma. Đây là nơi đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng. Phía trước ngôi nhà là con rạch mang tên Láng Tượng, ảnh 2015.



Hình 4: Quang cảnh chung quanh khu vực Rạch Láng Tượng & Ngôi Dương Phú Đường (Nhà Ma), nơi Đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng ngày 16 tháng 4 năm 1947, ảnh 2015.



Hình 5: Quang cảnh chung quanh khu vực Rạch Láng Tượng & Ngôi Dương Phú Đường (Nhà Ma), nơi Đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng ngày 16 tháng 4 năm 1947, ảnh 2015.



Hình 6: Quang cảnh chung quanh khu vực Rạch Láng Tượng & Ngôi Dương Phú Đường (Nhà Ma), nơi Đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng ngày 16 tháng 4 năm 1947, ảnh 2015.



Hình 7: Quang cảnh chung quanh khu vực Rạch Láng Tượng & Ngôi Dương Phú Đường (Nhà Ma), nơi Đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng ngày 16 tháng 4 năm 1947, ảnh 2015.



Hình 8: Quang cảnh chung quanh khu vực Rạch Láng Tượng & Ngôi Dương Phú Đường (Nhà Ma), nơi Đức Huỳnh Giáo Chủ vắng bóng ngày 16 tháng 4 năm 1947, ảnh 2015.



Hình 9: Một tín đồ đang tổ chức ngay trước nhà mình Lễ Tưởng Niệm Ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ Vắng Bóng ngay tại vùng Tân Phú, vùng mà Đức Huỳnh Giáo Chủ đã vắng bóng vào năm 1947, ảnh tư liệu của Ban trị Sự PGHH Santa Ana, Nam California.

THỦ BÚT
 VÀ CHỮ KÝ
 CỦA ĐỨC HUỖNH GIÁO CHỦ

Ông Văn Văn Soái
 Ông Nguyễn Giác Ngộ
 Tôi vừa hỏi ông Văn Soái
 Vinh bỗng có sự biến cố xảy ra
 tôi và ông Văn Soái chết
 Chưa rõ nguyên nhân còn
 điều tra. Trong mấy anh em
 phòng vệ không biết chết hay chạy đi,
 nếu có ai chạy về báo cáo
 rằng tôi bị bắt hay là mưu sát thì
 các ông đừng tin và đừng nao động.
 Sáng ngày tôi sẽ cùng ông Bửu
 Vinh điều tra kỹ lưỡng rồi sẽ về sau.
 Phải triệt để tuân lệnh. Ngày 16 tháng 4 năm 1947 9 giờ đêm
 (có ký tên), ảnh tư liệu của Ban trị Sự PGHH Santa Ana, Nam California.

Hình 10: Thủ bút của Đức Huỳnh Giáo Chủ về bức thư tay Ngài viết trong ngày 16 tháng 4 năm 1947. Nội dung của bức thư như vậy: Ông Trần Văn Soái và Ông Nguyễn Giác Ngộ. Tôi vừa hỏi hiệp với ông Bửu Vinh bỗng có sự biến cố xảy ra tôi với ông Vinh suýt chết, chưa rõ nguyên nhân, còn điều tra; trong mấy anh em phòng vệ không biết chết hay chạy đi, nếu có ai chạy về báo cáo rằng tôi bị bắt hay là mưu sát thì các ông đừng tin và đừng nao động. Sáng ngày tôi sẽ cùng ông Bửu Vinh điều tra kỹ lưỡng rồi sẽ về sau. Phải triệt để tuân lệnh. Ngày 16 tháng 4 năm 1947 9 giờ đêm (có ký tên), ảnh tư liệu của Ban trị Sự PGHH Santa Ana, Nam California.

XX

ĐỨC HUỲNH PHÚ SỔ VÀ PHẬT GIÁO HOÀ HẢO (P-3)

IV. PHẬT GIÁO HOÀ HẢO TRÊN VÙNG ĐẤT PHƯƠNG NAM

Trong sinh hoạt thời mở cõi về phương Nam, nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của những con người ngày ngày phải đương đầu với ma thiêng nước độc, những tôn giáo địa phương đã nhanh chóng thành hình. Và ngay cả các tôn giáo như Phật, Khổng, Lão, và ngay cả Cơ Đốc... đều phải tìm cách thích ứng với tính cách đặc biệt của người dân vùng sông nước đất phương Nam như tánh hào sảng, hiếu khách, bộc trực, bao dung, thực tiễn, quảng đại, và cởi mở, vân vân. Phật Giáo Hòa Hảo được Đức Ngài Huỳnh Phú Sổ sáng lập vào năm 1939. Khởi đầu giáo lý này được truyền ngay tại bản quán của ngài và làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Ngày khai đạo chính thức của PGHH là vào ngày 4 tháng 7 năm 1939, lúc đó đức Huỳnh Giáo Chủ mới có 19 tuổi. Mặc dầu hồi đó ngài còn rất trẻ và học vấn của ngài chỉ mới hoàn tất bậc tiểu học tại trường tiểu học quận Tân Châu. Lại thêm sức khỏe yếu kém, nay ốm mai đau, nhưng lúc đức ngài 14 hay 15 tuổi, một chuyển biến tâm lý nơi ngài đã xảy ra và đức ngài đã trở thành một con người có khả năng và phong thái hết sức đặc biệt ở tuổi 15. Đó chính là phong thái của một đấng Giáo chủ, người đã đem giáo lý tuyệt vời của đức Thích Ca Mâu Ni Phật kết hợp hài hòa một cách hoàn hảo với phong tục, tập quán, tín ngưỡng của con người và xã hội của vùng đất phương Nam hồi đầu thế kỷ thứ XX để lập thành một tôn giáo mà ngày nay được biết đến với tên Phật Giáo Hòa Hảo. Thật vậy, hài hòa là qui luật tất yếu của sự tồn tại, của mọi sự vận hành và phát triển của vạn vật, vì không có bất cứ thứ gì có thể tồn tại được nếu không có sự hòa hợp một cách hoàn hảo hay hòa hảo này. Và đức Huỳnh Giáo Chủ đã biến một định luật tất yếu của vũ trụ thành ra mục đích và lý tưởng của giáo lý Hòa Hảo.

Nếu gần 26 thế kỷ về trước đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện để vừa song hành và vừa khai sáng ra đạo Phật để cứu độ dân chúng tại một vùng đất rất đặc thù của miền Bắc Ấn Độ, một vùng đất với đầy rẫy những nghèo nàn và đói khổ với những bất công của xã hội phong kiến, giai cấp, kỳ thị, bất công, với những cảnh người bóc lột người vô cùng dã man. Lại cũng như đức Thích Ca, 2.600 năm sau, hồi đầu thế kỷ thứ XX, tại vùng đất phương Nam, miền cuối Việt, cũng trong những hoàn cảnh

khắc nghiệt tương tự, lại thêm sự xâm lăng dày xéo của giặc Pháp và Nhật, đức Huỳnh Giáo Chủ đã khai sáng nên đạo Phật Giáo Hòa Hảo để cứu độ chúng sanh cũng trong những hoàn cảnh hết sức bi thương, chia rẽ, đối nghịch và hận thù của dân tộc. Đức ngài đã đem giáo lý hòa hảo đạo với đời để làm căn bản cho nền đạo Hòa Hảo.

Người viết bài này không phải là một tín đồ của Phật Giáo Hòa Hảo, và bài viết trong tập sách này cũng không nhằm tuyên truyền hay phổ biến giáo lý Hòa Hảo, mà chủ yếu chỉ viết về những Hào Kiệt Đất Phương Nam, mà người viết xem đức Huỳnh Giáo Chủ như một hiện tượng thật kỳ đặc, dùng chữ kỳ đặc vì con người ấy vượt hẳn ra ngoài tất cả những Hào Kiệt khác của vùng Đất Phương Nam. Chính vì vậy mà tác giả tập sách này chỉ cố gắng nêu lên những điểm nổi bật về đức Huỳnh Giáo Chủ và sự đặc thù của tôn giáo mang tên Phật Giáo Hòa Hảo để cho mọi người cùng biết rằng tự cái tên và tôn chỉ của tôn giáo này đã mang một ý nghĩa hết sức tuyệt vời. Theo thiên ý, bản hoài của đức Huỳnh Giáo Chủ và bản hoài của đức Phật Thích Ca Mâu Ni không sai khác, bởi vì đối với đức Phật Thích Ca, người ta không cần phải tự xưng mình là tín đồ Phật giáo, người nào sống đúng với chân lý, người đó là tín đồ chân chính của Phật giáo. Bản hoài của đức Huỳnh Giáo Chủ lại cũng như vậy, người nào sống hòa hợp hoàn hảo giữa chân lý với đời, người đó là tín đồ của PGHH.

V. GIÁO LÝ TỨ ÂN HIẾU NGHĨA & ĐỜI SỐNG THEO TINH THẦN BÁT CHÁNH ĐẠO CỦA PHẬT GIÁO HOÀ HẢO

Những giáo lý căn bản dựa trên Tứ Ân Hiếu Nghĩa: Ân Tổ Tiên Cha Mẹ-Ân Đất Nước-Ân Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng)-Ân Đồng Bào và Chúng Sanh. Ngoài ra, Đức Thầy còn dạy chư đệ tử tu tập Tam Nghiệp Thân Khẩu Ý. Nơi Thân Nghiệp: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không lạm dụng quyền thế. Nơi Khẩu Nghiệp: Không nói lưỡi hai chiều, không nói lời phỉ báng, không nói lời giả dối. Nơi Ý Nghiệp: Không tham, không sân, không si mê. Về Thờ Phụng, đức Thầy dạy: Không phỉ báng lối thờ phụng tại các chùa viện, nhưng không cần tạo thêm hình tượng tại nhà. Sở dĩ đức Thầy không muốn các tín đồ thờ hình tượng Phật bởi vì đức ngài quan niệm Phật vô hình vô tướng. Nhà nào đã có tượng Phật vẫn được; tuy nhiên, những ảnh Phật bằng giấy nên đốt đi. Thay vào đó đức Thầy cho tín đồ đặt một tấm vải màu nâu xậm ngay phía trên bàn thờ, vì màu nâu xậm này đây chính là cái màu kết hợp một

cách hoàn hảo giữa các màu sắc khác: xanh, đỏ, vàng, đen. Đây cũng là biểu tượng của tâm linh hợp nhất hay đối với tâm linh thì “Vạn vật đồng nhất thể”.

Đối với PGHH, niềm tin xuất phát từ tâm chứ không bằng những hình thức bên ngoài. Như trên đã nói, bàn thờ chỉ cần một lá cờ nâu, biểu hiện cho sự phối hợp của mọi chủng tộc, không có sự phân biệt chủng tộc hay cá nhân, vì màu nâu là sự phối hợp của mọi màu. Nếu bên trong không đủ rộng để lập bàn thờ thì bàn “Ông Thiên” với một lư hương cũng là đủ. Phật giáo Hòa Hảo nhấn mạnh đến sự “tự cải thiện” hơn là hình thức thờ phượng. Cúng Phật chỉ nên dùng nước lã, hoa và nhang, vì nước lã tượng trưng cho sự thanh khiết, hoa tượng trưng cho sự thanh tịnh, và nhang làm tươi mát không khí. Về thực phẩm thì tín đồ có thể dùng bất cứ thực phẩm nào mà họ có để cúng tổ tiên. Bên cạnh bàn thờ Phật, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo có thể đặt bàn thờ cha mẹ, tổ tiên hay anh hùng dân tộc, chứ không nên thờ bất cứ quý thần nào mà mình không biết rõ.

Cũng được gọi là Phật Giáo, nhưng đức Huỳnh Giáo Chủ lại không cho tín đồ thờ hình tượng Phật, không lập chùa chiền, không nghi lễ cúng tế rườm rà, không mê tín dị đoan. Ngược lại, đức Thầy giản dị hóa mọi thứ để cho hầu như người nông dân nào của vùng sông nước đất phương Nam cũng có thể tu hành tại gia theo tôn chỉ của đức ngài đề ra. Đức ngài đã đề ra một tôn chỉ “Đạo Đồi Hòa Hảo”, nghĩa là đối với đức ngài, tu hành không nhất thiết phải là xuất trần, mà ngược lại phải ở trong trần và làm tròn tất cả những trách vụ của một con người như bốn phận đối với gia đình cha mẹ vợ con, đối với xã hội, đối với đất nước, và đối với chúng sanh mọi loài. Phật Giáo Hòa Hảo chủ trương rằng đối với một con người Hòa Hảo, làm con phải hiếu với mẹ cha thầy tổ, làm chồng làm vợ phải chung thủy và lo lắng cho nhau, làm cha làm mẹ phải hết lòng nuôi dạy con cái, làm bằng hữu phải tương giao tương kính, làm người dân trong một nước phải trung hiếu với dân tộc và đất nước.

Về Hành Lễ, đức Thầy dạy: Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo chỉ lạy Phật, tổ tiên, cha mẹ, và những vị anh hùng dân tộc, ngoài ra không lạy những người sống khác. Với các vị thầy chỉ nên xá chứ không lạy. Phải nói đức Thầy là một trong những nhà cách mạng tôn giáo có đầy đủ bi trí dũng khi đức ngài khuyên các đệ tử từ bỏ những tập tục đã có từ mấy ngàn năm của Phật giáo như bỏ việc tụng kinh gõ mõ, vì đức ngài cho rằng những việc này chỉ làm tốn phí thời gian chứ không mang lại lợi ích thiết thực gì cho cuộc sống cuộc tu hàng ngày của người tín đồ. Mà thật vậy, vào thời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, làm gì có chuyện tụng kinh gõ mõ, đây chỉ là những nghi thức mà người đời sau đưa vào. Đối với đức

Huỳnh Giáo Chủ, cái quan trọng nhất đối với tín đồ là ba điều này: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý.” Nghĩa là người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo luôn làm các việc lành, luôn tránh các việc ác, và luôn để cho tâm trí thanh sạch. Đó chính là con người tu hành đúng theo Phật Pháp!

Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo không nên chỉ lệ thuộc vào sự giúp đỡ của Thần Thánh. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo không nên chỉ lệ thuộc vào sự yểm trợ của vị Thầy. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo không bao giờ trách trời, oán Phật, giận Thầy vì những bậc này không cứu độ hay ban phước cho họ. Họ luôn nhớ luật “Nhân Quả,” hễ nhân tốt thì quả lành. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo luôn sáng suốt nhận hiểu những nguyên tắc tôn giáo và những lời dạy dỗ của thầy, chứ không mù quáng lệ thuộc vào niềm tin. Về Tang Lễ, đức Thầy dạy: Tang lễ vẫn cử hành như truyền thống cổ truyền; tuy nhiên, không nên kèn trống rình rang. Không đốt giấy tiền vàng mã, vì đây chỉ là phí phạm tiền của. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo phải nên luôn nhớ rằng thân xác tan hoại, phải được chôn cất thận trọng, chứ không nên để lâu mà có hại cho sức khỏe của những người còn sống. Chỉ nên thiết lập một bàn thờ giữa nhà hay ngoài trời để cầu nguyện cho người chết rồi tiến hành nhanh chóng việc chôn cất. Có thể dùng bất cứ thực vật có sẵn nào để cúng người chết, nhưng không nên phí phạm tiền bạc. Hàng xóm láng giềng có thể tới giúp nhau trong việc tống táng, nhưng đây không phải là dịp để đờn ca xướng hát. Về Hôn Nhân, đức Thầy dạy: Bốn phận của cha mẹ là phải chọn lựa người phối ngẫu thích hợp cho con cái bằng cách quan sát kỹ lưỡng tánh tình đôi trẻ. Nên dẹp bỏ việc đòi của hồi môn từ gia đình chú rể. Cha mẹ hai bên không nên làm khó dễ nhau trong vấn đề nghi thức hôn nhân. Hôn lễ nên càng đơn giản càng tốt, chứ không nên rườm rà tốn kém. Ngoài ra, đức Thầy còn dạy một số điều cấm kỵ của các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo như sau: Không uống rượu: Tuy nhiên, trong những ngày hội hè không nhằm ngày chay lạt, tín đồ có thể uống một ít rượu lễ thật nhẹ. Nên nhớ rằng uống rượu say là phạm tội đối với tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Không hút thuốc phiện: Chỉ có người bệnh có toa bác sĩ dùng chung với các loại thuốc khác là ngoại lệ. Không bài bạc, không có ngoại lệ!!!

Đức Thầy còn dạy về thái độ đối với các thầy, các chùa viện và các tôn giáo hay cá nhân khác như sau: Thái độ đối với sư sãi, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo phải luôn kính trọng những sư sãi chân chính; phải luôn lắng nghe và tuân theo những lời dạy dỗ đúng theo chánh pháp. Với những sư sãi sai trái, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo có nhiệm vụ phải cảnh tỉnh và khuyên họ trở về Chánh Đạo Phật Giáo. Nếu như họ vẫn tiếp tục con đường sai trái, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo nên tích cực giải thích cho

dân chúng và Phật giáo đồ trong vùng biết để lánh xa. Về thái độ của tín đồ đối với chùa viện, đức Thầy dạy: Phật giáo Hòa Hảo không cấm đoán tín đồ đi chùa lễ Phật, đặc biệt là vào những ngày lễ lớn như Phật Đản hay Vu Lan Bồn. Phật giáo Hòa Hảo không nhấn mạnh hay đồng ý vấn đề thờ phượng hình tượng, nhưng Phật giáo Hòa Hảo không cho phép tín đồ chê trách hay phi báng việc thờ phượng này tại các chùa. Về thái độ của tín đồ đối với các tôn giáo khác, đức Thầy dạy: Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo luôn kính trọng và không bao giờ đề cập đến việc thờ phượng của các tôn giáo khác. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo không bao giờ nói xấu về giáo lý của các tôn giáo khác. Dù các tôn giáo khác có làm gì sai với Phật giáo Hòa Hảo, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo vẫn không đối trả sai trái lại. Về thái độ đối với những cá nhân khác, đức Thầy dạy: Phải luôn đối xử tốt để phát triển sự cảm thông hỗ tương. Khi họ cần nên tỏ lộ sẵn lòng thương yêu. Phải cố gắng hết mình giúp đỡ người xung quanh. Về việc để tóc dài, đức Thầy dạy: Đức Thầy để tóc dài là để tỏ lộ lòng tưởng nhớ đến tục lệ cổ truyền của tổ tiên và cho chúng ta thấy Ngài không bị ảnh hưởng của văn minh Tây phương, chứ không phải là sự thể hiện của đời sống tôn giáo. Đức Thầy không bắt buộc mà cũng không cấm tín đồ Phật giáo Hòa Hảo để tóc dài. Để tóc dài mà không cải thiện tự thân, thì không phải là tín hữu Phật Giáo Hòa Hảo. Đức Thầy cho phép tín đồ Phật giáo Hòa Hảo cải cách sao cho thích hợp với sự tiến hóa của đất nước và thuận theo phong cách của dân tộc.

Về giáo dục và Phật Giáo Hòa Hảo, đức Thầy luôn nhấn mạnh đến giáo dục để mở mang kiến thức về khoa học và xã hội, vì giáo dục giúp ta tránh những lỗi lầm và phá tan mê tín, giáo dục giúp ta hiểu thêm về Phật pháp, giáo dục không phải là một chướng ngại của đạo lý hay đời sống tôn giáo. Về Thương Nghiệp, đức Thầy khuyến khích tín đồ Phật giáo Hòa Hảo làm thương nghiệp để phát triển kinh tế gia đình, xã hội và đất nước với những điều kiện sau đây: Tất cả tín đồ Phật giáo Hòa Hảo luôn vâng giữ Bát Chánh Đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh định và chánh huệ). Tận diệt nghiệp bất thiện, không cân non, không tráo hàng, không buôn lậu, không buôn bán rượu và thuốc phiện. Hành nghề lương thiện bằng cách không lường gạt và từ bỏ những thói xấu. Về thức ăn và nhà cửa, đức Thầy dạy: Ăn uống điều độ, tránh những thức ăn ngon nhưng lại có hại cho sức khỏe và có thể đưa đến bệnh hoạn, luôn giữ gìn thân thể sạch sẽ vệ sinh, và loại bỏ lối sống bệnh hoạn, vì thân thể dơ dáy, thì tâm không thể nào phát triển được.



Hình 1: Biểu tượng Phật giáo Hòa Hảo, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 2: Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ lúc Ngài khai đạo vào năm 1939, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 3: Phần mộ đức ông Huỳnh Công Bộ & đức bà Lê thị Nhiệm tại làng Hoà Hảo, Châu Đốc, nay thuộc tỉnh An Giang, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 4: Cổng Tổ đình Phật giáo Hòa Hảo, xưa thuộc làng Hòa Hảo, nay thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 5: Tổ đình Phật giáo Hòa Hảo, xưa thuộc làng Hòa Hảo, nay thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Ngôi nhà có tên Tổ đình này, là nơi sinh trưởng của Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, và là nơi khai sáng đạo Phật giáo Hòa Hảo của ông, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 6: Hình ảnh dòng Hậu Giang, nơi mà về phía bờ Bắc có một ngôi làng nhỏ mang tên Hoà Hảo, cái nôi của PG Hoà Hảo, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 7: Hình ảnh Lễ khai sáng đạo Phật giáo Hòa Hảo (18/5 âm lịch) tại khu Tổ đình, ngôi nhà tổ của Đức Thầy (Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ), đây cũng là nơi Đức Thầy khai sáng đạo Phật giáo Hòa Hảo; An Hòa Tự mang di tích lịch sử của đạo Phật giáo Hòa Hảo còn gọi là Chùa Thầy. Nơi đây cũng chính là trụ sở chính của Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



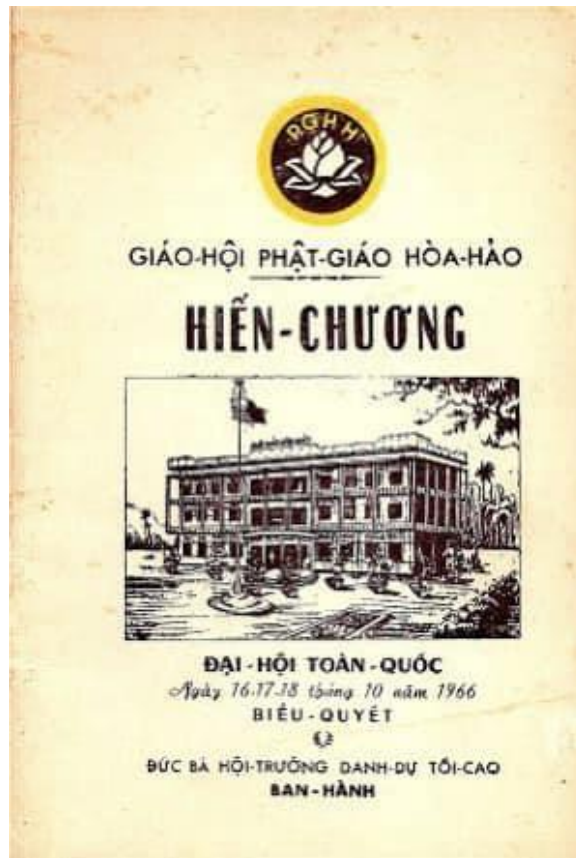
Hình 8: Quang cảnh dân chúng đang phơi bánh tại Làng bánh phồng Phú Mỹ, Phú Tân, An Giang. Làng nghề bánh phồng Phú Mỹ hình thành, tồn tại và phát triển gần 70 năm nay, có 49 cơ sở sản xuất, thu hút khoảng 300 lao động. Trong đó, các gia đình nổi tiếng có truyền thống làm bánh như gia đình cụ Lê Minh Đơn, Ngô Thị Dờn, Trần Văn Tâm... Bánh phồng Phú Mỹ nhỏ bằng cái đĩa nhưng nướng chín phồng to hơn cái quạt nan. Bánh vừa xốp, vừa mềm, cắn vào cảm thấy rất ngon miệng bởi vị béo của nếp, vị ngọt của đường, mùi thơm của sữa, mè, đậu nành, đậu phộng... tạo nên hương vị đặc trưng và không thể thiếu trong các dịp đám tiệc, cưới hỏi. Thời gian qua, bánh phồng Phú Mỹ được người tiêu dùng ưa chuộng nên làng nghề phát triển mạnh và sản xuất quanh năm, tài liệu từ Ban trị sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 9: Quang cảnh dân chúng đang phơi bánh tại Làng bánh phồng Phú Mỹ, Phú Tân, An Giang. Làng nghề bánh phồng Phú Mỹ hình thành, tồn tại và phát triển gần 70 năm nay, có 49 cơ sở sản xuất, thu hút khoảng 300 lao động. Trong đó, các gia đình nổi tiếng có truyền thống làm bánh như gia đình cụ Lê Minh Đơn, Ngô Thị Dờn, Trần Văn Tâm... Bánh phồng Phú Mỹ nhỏ bằng cái đĩa nhưng nướng chín phồng to hơn cái quạt nan. Bánh vừa xốp, vừa mềm, cắn vào cảm thấy rất ngon miệng bởi vị béo của nếp, vị ngọt của đường, mùi thơm của sữa, mè, đậu nành, đậu phộng... tạo nên hương vị đặc trưng và không thể thiếu trong các dịp đám tiệc, cưới hỏi. Thời gian qua, bánh phồng Phú Mỹ được người tiêu dùng ưa chuộng nên làng nghề phát triển mạnh và sản xuất quanh năm, tài liệu từ Ban trị sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 10: Di ảnh của đức bà Lê Thị Nhậm (thân mẫu của Đức Huỳnh Giáo Chủ), Hội Trưởng Danh Dự Tối Cao Ban Hành Hiến Chương của Giáo Hội Phật Giáo Hoà Hảo, Nền Đạo do Đức Huỳnh Phú Sổ khai sáng từ ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão, 1939.



Hình 11: HIỂN CHƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC Ngày 16-17-18 tháng Mười 1966:

CHỦ TỊCH ỦY BAN LÃNH ĐẠO QUỐC GIA

- Chiếu ước pháp ngày 19 tháng sáu năm 1965,
- Chiếu quyết định số 3-QLVNCH/QĐ ngày 14 tháng sáu năm 1965 của Đại Hội Đồng các Tướng lãnh Quân lực Việt Nam Cộng Hòa thành lập và ấn định thành phần Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia,
- Chiếu sắc lệnh số 001/CT/LDQG/SL ngày 19 tháng sáu năm 1965 ấn định thành phần Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương,
- Chiếu Dụ số 10 ngày 6 tháng tám năm 1950, sửa đổi bởi Dụ số 24 ngày 19 tháng mười một năm 1952, và Dụ số 6 ngày 3 tháng tư năm 1954, ấn định quy chế hiệp hội,
- Chiếu đề nghị của Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương,
- Sau khi Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia thảo luận và biểu quyết,

SẮC LUẬT:

ĐIỀU 1.- Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo là Giáo Hội duy nhất của khối tín đồ hội viên Phật Giáo Hòa Hảo được phép hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam, theo Hiến Chương ngày 6 tháng chạp năm 1964, đính theo luật này

ĐIỀU 2.- Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo có tư cách pháp nhân, được quyền sở hữu, thủ đắc, tạo mãi, hoặc chuyên nhượng những động sản, bất động sản cần thiết để đạt mục đích của Giáo Hội.

Những bất động sản đó gồm có những Tự viện, Hội quán, Đốc giảng đường, Trụ sở và các cơ sở hoạt động văn hóa, xã hội.

ĐIỀU 3.- Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo được quyền thu nhận những tài sản do các thể nhân hay pháp nhân sinh tặng hoặc di tặng.

ĐIỀU 4.- Dự số 10 ngày 9 tháng tám năm 1950, ấn định quy chế hiệp hội và các luật lệ trái với sắc luật này, không áp dụng cho Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo.

Sắc luật này sẽ đăng vào Công báo Việt Nam Cộng Hòa

Saigon, ngày 12 tháng bảy năm 1965

Trung Tướng NGUYỄN VĂN THIỆU



Hình 12: Trung Tướng Chủ Tịch Nguyễn Văn Thiệu, nhân danh Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa trao Sắc luật 002/65 cho Ông Lương Trọng Tường Hội Trưởng Ban Trị Sự Trung Ương Giáo Hội PGHH, ảnh tài liệu từ Công Báo Việt Nam Cộng Hòa số 36, ngày 31-7-1965 (Administrative Bulletin of RVN 1965).



Hình 13: Di ảnh Đức Huỳnh Giáo Chủ trên bàn thờ sau khi Ngài vắng bóng, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 14: Tranh vẽ đức Huỳnh Giáo Chủ, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 15: Quang cảnh lễ tưởng niệm Đức Thầy Vãng Bồng tại Santa Ana, California, ảnh tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A

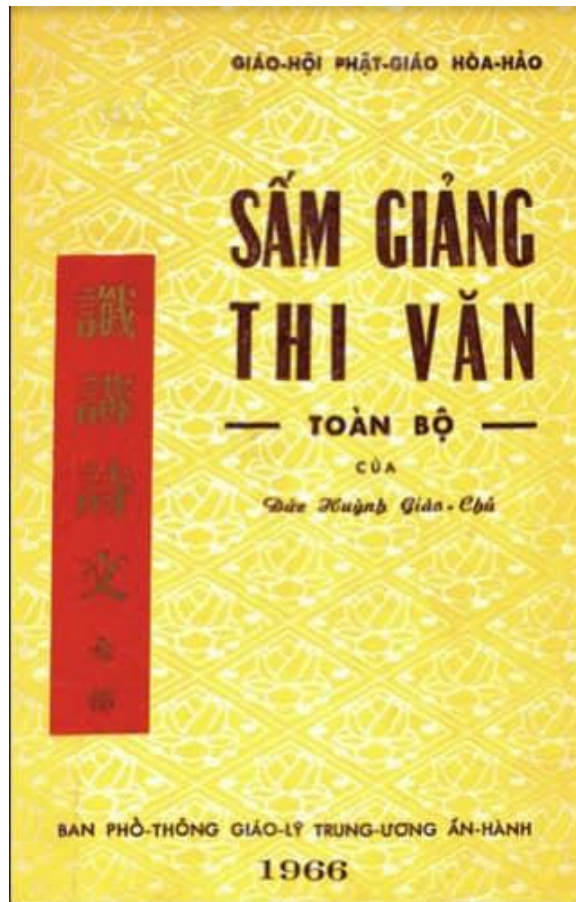


Hình 16: Hình Bìa tập sách viết về Kỷ Ức khi Đức Thầy Lâm Nạn, xuất bản năm 1947, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.

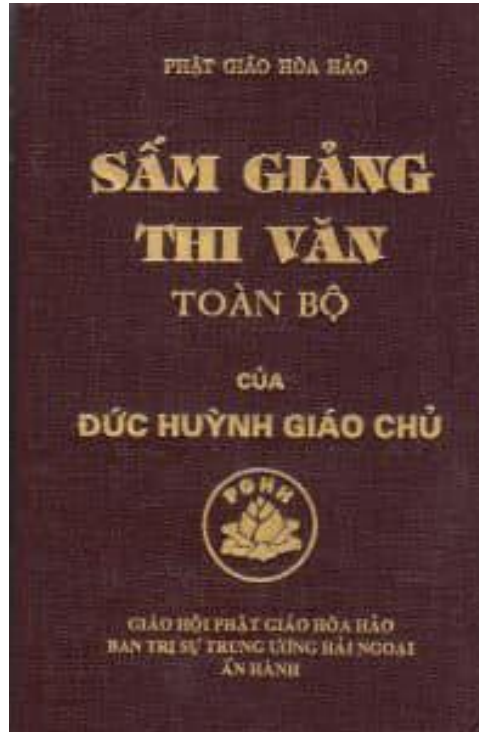


Ông Vương Kim - PHAN BÁ CẦM
(1909-1979)

Hình 17: Hình bìa tập sách viết về Đức Huỳnh Giáo Chủ của tác giả Vương Kim Phan Bá Cầm xuất bản năm 1975, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 18: Hình bìa bộ sách Sám Giảng Thi Văn của đức Huỳnh Giáo Chủ, được xuất bản năm 1966 và tái bản tại hải ngoại năm 1990. Tương cũng nên nhắc lại, Phật giáo Hoà Hảo là một tôn giáo ra đời ở miền Tây Nam Phần vào năm 1939, có số lượng tín đồ khá lớn. Vị sáng lập đạo PGHH là đức thầy Huỳnh Phú Sổ, quê quán tại làng Hoà Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, ngày nay thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Đạo Phật giáo Hoà Hảo được khai sáng trên nền tảng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của đức Phật Thầy Đoàn Minh Huyền và lấy pháp Tu Nhân Học Phật làm căn bản tu hành. Đạo Phật giáo Hoà Hảo với giáo pháp là học Phật, tu Nhân, tại gia cư sĩ, thực hiện Tứ ân: Ân tổ tiên cha mẹ, Ân đất nước, Ân Tam bảo, Ân đồng bào nhân loại. PGHH là một tôn giáo có xu hướng nhập thế, chính vì thế đạo rất coi trọng hoạt động từ thiện xã hội. Vì vậy, trong Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo đã xác định đường hướng hành đạo là "Vi Đạo Pháp, Vi Dân Tộc". Tôn chỉ hành đạo là học Phật, tu Nhân, tại gia cư sĩ, giáo huấn tín đồ về Tứ ân; thực hiện 8 điều răn cấm, cứu giúp người nguy khó, tương trợ trong quan, hôn, tang, tế và hoạt động từ thiện hữu ích cho xã hội. Đa số đồng bào Phật giáo Hoà Hảo là nông dân lao động sinh sống ở các tỉnh, thành phố miền Tây Nam Phần. Hiện nay, tín đồ có mặt ở 24 tỉnh trên khắp cả 2 miền Trung và Nam, nhưng tập trung đông đảo tại các tỉnh, thành phố miền Tây Nam Việt. Theo thống kê của Chính phủ VNCH năm 1960, Phật giáo Hoà Hảo có khoảng gần 2 triệu tín đồ (Administrative Bulletin of RVN 1960). Đến năm 2020, theo tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A., thì tổng số tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo tại Việt Nam và Hải ngoại đã có trên 7 triệu người.



Hình 19: Hình bìa bộ sách Sám Giảng Thi Văn của đức Huỳnh Giáo Chủ, được xuất bản năm 1966 và tái bản tại hải ngoại năm 1990. Tương cũng nên nhắc lại, Phật giáo Hoà Hảo là một tôn giáo ra đời ở miền Tây Nam Phần vào năm 1939, có số lượng tín đồ khá lớn. Vị sáng lập đạo PGHH là đức thầy Huỳnh Phú Sổ, quê quán tại làng Hoà Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, ngày nay thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Đạo Phật giáo Hoà Hảo được khai sáng trên nền tảng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của đức Phật Thầy Đoàn Minh Huyền và lấy pháp Tu Nhân Học Phật làm căn bản tu hành. Đạo Phật giáo Hoà Hảo với giáo pháp là học Phật, tu Nhân, tại gia cư sĩ, thực hiện Tứ ân: Ân tổ tiên cha mẹ, Ân đất nước, Ân Tam bảo, Ân đồng bào nhân loại. PGHH là một tôn giáo có xu hướng nhập thế, chính vì thế đạo rất coi trọng hoạt động từ thiện xã hội. Vì vậy, trong Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo đã xác định đường hướng hành đạo là "Vi Đạo Pháp, Vi Dân Tộc". Tôn chỉ hành đạo là học Phật, tu Nhân, tại gia cư sĩ, giáo huấn tín đồ về Tứ ân; thực hiện 8 điều răn cấm, cứu giúp người nguy khó, tương trợ trong quan, hôn, tang, tế và hoạt động từ thiện hữu ích cho xã hội. Đa số đồng bào Phật giáo Hoà Hảo là nông dân lao động sinh sống ở các tỉnh, thành phố miền Tây Nam Phần. Hiện nay, tín đồ có mặt ở 24 tỉnh trên khắp cả 2 miền Trung và Nam, nhưng tập trung đông đảo tại các tỉnh, thành phố miền Tây Nam Việt. Theo thống kê của Chính phủ VNCH năm 1960, Phật giáo Hoà Hảo có khoảng gần 2 triệu tín đồ (Administrative Bulletin of RVN 1960). Đến năm 2020, theo tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A., thì tổng số tín đồ Phật Giáo Hoà Hảo tại Việt Nam và Hải ngoại đã có trên 7 triệu người.



Hình 20: Bửu Sơn Tự tại Thị xã Sông Cầu (Phú Yên). Hiện nay, đây là ngôi thờ của đạo PGHH xa nhất ở Việt Nam, tính từ nơi khai sáng đạo là huyện Phú Tân vào năm 1939, tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 21: Quang cảnh một buổi thuyết giảng giáo lý PGHH trong Chánh điện Bửu Sơn Tự tại Thị xã Sông Cầu (Phú Yên), tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 22: Một phòng thuốc Nam miễn phí tại Bửu Sơn Tự, Thị xã Sông Cầu (Phú Yên), tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.



Hình 23: Quang cảnh các tín đồ PGHH đang phát quà cứu trợ cho đồng bào nghèo bị thiên tai bão lụt tại Bửu Sơn Tự, Thị xã Sông Cầu (Phú Yên), tài liệu từ Ban trị Sự GHPGHH Santa Ana, Nam California, U.S.A.

Tài Liệu Tham Khảo

- 1) Báo Le Courier de Saigon, số ra ngày 5 tháng 4 năm 1873, theo Công Báo Nam Kỳ 1873 (Bulletin de Administratif de Cochinchine 1873).
- 2) Bửu Sơn Kỳ Hương, Vương Kim, NXB Long Hoa, Sài Gòn, 1965.
- 3) Đức Cố Quân hay cuộc khởi nghĩa Bảy thừa, Nguyễn Văn Hào, Nhà xuất bản Tân Sanh, Sài Gòn, 1956.
- 4) Địa chí An Giang (Tập I), Nhiều tác giả, ấn hành năm 2003.
- 5) Lịch Sử An Giang, Sơn Nam, Sài Gòn, 1966.
- 6) Lịch sử An Giang, Sơn Nam, NXB Tổng hợp An Giang, 1988.
- 7) Nửa Tháng Ở Miền Thất Sơn, Nguyễn Văn Hào, Sài Gòn, 1965.
- 8) Sổ Tay Hành Hương Đất Phương Nam, nhiều người soạn, Huỳnh Ngọc Trảng chủ biên, Nhà xuất bản TP HCM, 2002.
- 9) Tài liệu Đình Tây trong bài viết của Nguyễn Văn Hào, 1965.
- 10) Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Từ Điển quyển 2, Trịnh Văn Thanh, Nhà xuất bản Hồn thiêng, Sài Gòn, 1966.
- 11) Theo gia phả nhà họ Trần, được công bố năm 2008.
- 12) Việt sử tân biên (Quyển 5, Tập Thượng), Phạm Văn Sơn, Tác giả tự xuất bản, Sài Gòn, 1962.
- 13) Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam, Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, Nhà xuất bản KHXH, 1992, tr. 60.
- 14) Tự Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam, TP HCM, 2009.

